



BẢN TIN

KHUYẾN NÔNG VIỆT NAM

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG QUỐC GIA - BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN



- **GIẢI BÀI TOÁN ĐẦU RA CHO NÔNG SẢN Ở NƯỚC TA**
- **HÀ TĨNH - CHUYỂN ĐỔI SỐ TRÊN CÂY BƯỞI PHÚC TRẠCH**
- **GIẢI PHÁP KỸ THUẬT CHĂN NUÔI GIA SÚC, GIA CẦM TRONG MÙA NẮNG NÓNG**



SỐ 02
2021

MỘT SỐ HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG



Tập huấn luyện hiện trường kỹ thuật chăn nuôi vịt bầu Kỳ Lừa theo VietGAP, tại tỉnh Lạng Sơn
Ảnh: Nguyễn Duy Hà – Trung tâm Khuyến nông Lạng Sơn

Tập huấn luyện hiện trường kỹ thuật sản xuất chè an toàn theo Viet GAP, tại tỉnh Thái Nguyên
Ảnh: Dương Trung Kiên – Trung tâm Khuyến nông Thái Nguyên



Tập huấn luyện hiện trường kỹ thuật nuôi cá nheo Mỹ trong lồng bè, tại tỉnh Lạng Sơn
Ảnh: Duy Hà – Trung tâm Khuyến nông Lạng Sơn



GIẢI BÀI TOÁN ĐÀU RA CHO NÔNG SẢN Ở NƯỚC TA

Đồng chí LÊ MINH HOAN

Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng,
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

Năm 2020, khi đại dịch Covid-19 bắt đầu diễn biến phức tạp trên toàn cầu, nông sản Việt Nam bị đứt gãy thị trường xuất khẩu. Gần đây, khi đợt dịch lần thứ 3, thứ 4 xảy ra; Hải Dương, Quảng Ninh, Bắc Giang và một vài địa phương gặp phải tình trạng ứ ứ nông sản, cản đến sự chung tay hỗ trợ tiêu thụ của cộng đồng. Vì vậy, đã có những ý kiến về việc tìm kiếm đầu ra cho nông sản, giảm bớt thiệt hại cho người nông dân vì một nền nông nghiệp bền vững.

Tuy nhiên, đầu chỉ khi Covid - 19 diễn biến phức tạp, câu chuyện “giải cứu” mới được nhắc đến. Ngay cả giai đoạn không có dịch bệnh bất thường, thỉnh thoảng mùa này, vụ kia, khi thì năm này lúc thì năm khác, chúng ta lại thấy nông sản “kêu cứu”. Khi thì dưa hấu Quảng Ngãi, hành tím Sóc Trăng, rồi thanh long Bình Thuận, hay cam Tuyên Quang, Hà Giang... Có người còn bình luận: “giải cứu” nông sản hay cần “giải cứu” tư duy của người nông dân và “giải cứu” cả ngành nông nghiệp?

Nhìn lại trong nhiều năm qua, đầu ra cho nông sản là bài toán đã được đặt ra kể từ khi đất nước chuyển đổi từ mô hình nền kinh tế tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Điều đó có nghĩa là vấn đề này đã được nhận diện qua hơn ba mươi năm đổi mới. Những năm gần đây, “được mùa mất giá” như một điệp khúc hàng năm khi vào chính vụ, “giải cứu” như một lời nguyện có tính chu kỳ. Để khắc phục vấn đề này, cần một hệ thống các giải pháp mang tính đồng bộ, bền vững và lâu dài. Giải bài toán



Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Lê Minh Hoan thăm điểm Kết nối tiêu thụ nông sản, tại Hà Nội

đầu ra cho nông sản nước ta cần được nhìn nhận cả ở lý thuyết kinh tế học và thực tiễn nông nghiệp, nông dân ở nước ta.

Nông nghiệp nước ta có ba đặc điểm, cũng là ba điểm nghẽn khi chuyển đổi sang nền kinh tế hàng hoá trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu, đó là: manh mún, nhỏ lẻ, tự phát. Đất đai manh mún. Quy mô nhỏ lẻ. Canh tác tự phát. Ba thách thức đó làm cho chuỗi liên kết rời rạc, con đường đưa nông sản đến thị trường mong manh, dễ bị đứt gãy khi có biến cố xảy ra.

Cũng từ ba đặc điểm đó, dữ liệu về nguồn cung không được tích hợp một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời trong cùng một thời điểm, một mùa vụ ở mọi cấp độ: địa phương, tiểu vùng, vùng, quốc gia. Thiếu dữ liệu nguồn cung về sản lượng,

chúng loại dẫn đến khó khăn trong truy xuất nguồn gốc, khiến thông tin đầu vào cho thị trường mơ hồ, mang tính ước đoán. Từ đó, dẫn đến tình trạng “sản xuất mù”, “bán mù”, “mua mù”. Nông dân cứ sản xuất rồi trông chờ thương lái đến thu mua. Đến lượt thương lái cũng tìm cách đưa nông sản đến doanh nghiệp, hệ thống phân phối. Một chuỗi liên kết có tính rời rạc mỗi mùa vụ dễ bị đứt gãy khi bị “ùn đầu ra” dẫn đến “ứ đầu vào”.

Tóm lại, một khi dữ liệu cung và cầu chưa khớp nhau thì còn rủi ro mùa vụ, rủi ro cho người sản xuất, cho thương lái, doanh nghiệp và cho cả nền kinh tế. Trong kinh tế học gọi đó là tình trạng “thông tin bất cân xứng”, bất cân xứng giữa người bán và người mua, giữa sản xuất và tiêu thụ, giữa cung và cầu, về nhu cầu tiêu thụ, tiêu chuẩn

chất lượng, thời điểm sản xuất và cung ứng hàng hoá. Một khi thông tin bất cân xứng thì chỉ dựa vào may rủi thị trường, vào niềm tin giữa các đối tác mà niềm tin lại thường mong manh vì xung đột lợi ích.

Tư duy bán nông sản thô đã trở thành tập quán của người sản xuất bấy lâu nay do cả nguyên nhân khách quan lẫn nguyên nhân chủ quan. Nông sản thô thì dễ bị tổn thương do thời tiết và áp lực hao hụt sau thu hoạch dẫn đến tâm lý bán nhanh, bán hết. Sản lượng cần bán càng nhiều thì giá cả càng thấp. “Được mùa rớt giá” là vì vậy. Nhưng ngược lại, cục bộ vẫn còn tình trạng neo hàng chờ giá khiến nông sản không ra được thị trường. Giá cả bấp bênh và đứt gãy chuỗi cung là vì vậy.

Những ách tắc trong tiêu thụ nông sản phần nào đến từ quan niệm “sản lượng càng nhiều đồng nghĩa với việc nâng cao thu nhập cho người sản xuất và tăng trưởng cho ngành nông nghiệp”. Để khắc phục thực trạng trên và giải bài toán đầu ra cho nông sản, cần chuyển từ tư duy “sản xuất nông nghiệp” sang tư duy “kinh tế nông nghiệp”. Đó là tối ưu hoá lợi nhuận, lợi ích trên một đơn vị diện tích sản xuất bằng cách tích hợp đa giá trị, chứ không chỉ đơn thuần là tối đa hoá sản lượng đơn giá trị. Đó là, gắn kết chặt chẽ giữa nông nghiệp và công nghiệp chế biến, giữa nông nghiệp và dịch vụ giúp nâng cao giá trị nông sản trong chuỗi giá trị ngành hàng. Hình thành thương hiệu nông sản xanh sạch, an toàn, tạo dựng một nền nông nghiệp trách nhiệm.

Trước tiên, cần khắc phục ba điểm nghẽn “manh mún, nhỏ lẻ, tự phát” bằng giải pháp củng cố và phát triển kinh tế tập thể mà trọng tâm là hợp tác xã nông nghiệp theo Kết luận 70-KL/TW ngày 9/3/2020 của Bộ chính trị “về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5, khoá IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể”. Có chính

sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển hợp tác xã nông nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, các doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp khởi nghiệp nông nghiệp, từ đó, hình thành và phát triển kinh tế nông thôn. Các hợp tác xã xây dựng bản đồ nông sản kèm theo sản lượng, quy trình canh tác, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, tiến độ thu hoạch... nhằm tự quảng bá và chủ động kết nối với thị trường. Nhà nước xem xét hỗ trợ đầu tư hệ thống hạ tầng logistics nông thôn: kho lạnh bảo quản nông sản, công nghệ sơ chế, chế biến, đóng gói, bao bì, thương mại điện tử... với quy mô phù hợp từ cấp độ hợp tác xã, tiến tới cấp độ liên hiệp hợp tác xã. Kinh tế nông thôn phát triển sẽ giúp tạo đầu vào cho chuỗi ngành hàng nông sản. Kinh tế nông thôn phát triển còn tạo ra nhiều việc làm ở khu vực nông thôn theo mục tiêu “ly nông bất ly hương”. Kinh tế nông thôn góp phần tạo dựng nền tảng vững chắc cho Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Kế đến, xây dựng “chuỗi giá trị ngành hàng” thông qua liên kết chặt chẽ giữa nông dân và doanh nghiệp, mở rộng thành “hệ sinh thái ngành hàng” có sự tham gia của các chuyên gia, nhà khoa học, truyền thông, cơ quan hoạch định và thực thi chính sách nông nghiệp và phát triển thị trường. Chuyển từ tư duy bán nông sản thô sang cung ứng nông sản đã qua phân loại, bảo quản, sơ chế, tinh chế, đáp ứng yêu cầu đa dạng của người tiêu dùng và đặc điểm từng loại thị trường. Kêu gọi nhiều nhà đầu tư tham gia vào các “Cụm liên kết công - nông nghiệp”, hình thành các ngành hàng công nghiệp thực phẩm.

Bên cạnh đó, cần thu thập, tổng hợp và minh bạch “Dữ liệu cung - cầu nông sản”, tiến tới hình thành các “Sàn giao dịch nông sản” dưới sự hỗ trợ của công nghệ số hoá. Khi có dữ liệu đầy đủ, kịp thời, chuẩn xác, người cung ứng và doanh nghiệp tiêu thụ sẽ có điểm gặp nhau về số lượng, giá cả, thời

điểm, phương thức thanh toán,... giống như việc “khớp lệnh” trong sàn giao dịch chứng khoán. Các cơ quan hoạch định và thực thi chính sách cũng dựa trên dữ liệu này để phân tích, điều chỉnh chính sách hỗ trợ sản xuất và phát triển, tác động đến thị trường một cách phù hợp, linh hoạt, kịp thời. Khi có biến cố xảy ra làm ách tắc chuỗi cung ứng, các cơ quan chức năng kích hoạt “Dòng cung ứng đặc biệt”, tận dụng công nghệ để tiếp thị, phân phối nông sản, thông qua các Hiệp hội ngành hàng, Hiệp hội người tiêu dùng, các Sàn giao dịch nông sản... .

Hơn hết, tư duy kinh tế nông nghiệp cần được thẩm thấu ngay trong các cơ quan hoạch định chính sách, chiến lược phát triển ngành hàng nông sản. Khi chuyển sang nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vai trò Nhà nước giảm đi, thị trường giữ vai trò điều tiết quy luật cung cầu. Thị trường tạo sự năng động cho người sản xuất, doanh nghiệp, nhưng thị trường cũng có những bất cập, hạn chế, thất bại của thị trường. Do đó, cần đến sự tham gia của Nhà nước thông qua các công cụ là các cơ quan chuyên ngành để tương tác, hỗ trợ, gắn kết những khiếm khuyết trong chuỗi cung ứng - tiêu thụ khi có biến cố, đứt gãy. Tất cả vì quyền lợi của người sản xuất và người tiêu dùng, vì tính bền vững trong nền kinh tế. Giải pháp thị trường tiêu thụ phải được đặt ra ngay khi xây dựng chiến lược và kế hoạch trung hạn, ngắn hạn và từng mùa vụ. Cần nhất quán về nhận thức “giải pháp đầu ra, kết nối thị trường tiêu thụ sẽ kích hoạt đầu vào sản xuất”. Khi ấy, 3 câu hỏi cũng là 3 vấn đề cốt lõi, cơ bản trong kinh tế học: “Sản xuất nông sản gì?”, “Sản xuất như thế nào?”, “Sản xuất cho ai?” sẽ trở thành kim chỉ nam định hình nền nông nghiệp cả nước □



CHỦ ĐỘNG ỨNG PHÓ VỚI MÙA MƯA BÃO TRONG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN NĂM 2021

Tổng cục Thủy sản có Công văn 993/TCTS-NTTS ngày 16/6/2021 gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề nghị các sở chỉ đạo việc chủ động ứng phó mưa, bão trong nuôi trồng thủy sản năm 2021.

Để chủ động ứng phó và khắc phục hậu quả của thiên tai, nhằm hạn chế thấp nhất thiệt hại cho người nuôi thủy sản, ổn định và duy trì hoạt động nuôi trồng thủy sản, Tổng cục Thủy sản đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc, các cơ quan chuyên môn khẩn trương triển khai một số nội dung. Cụ thể:

Xây dựng kế hoạch, bố trí nguồn nhân lực và chủ động tổ chức triển khai các biện pháp phòng, ứng phó hiệu quả với mưa, bão, lũ trong nuôi trồng thủy sản; tăng cường truyền tải thông tin về dự báo thời tiết, cảnh báo, dự báo thiên tai, các bản tin thông báo kết quả quan trắc, cảnh báo môi trường vùng nuôi của Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản I, II, III và cơ quan quản lý địa phương đến người nuôi để chủ động phòng, tránh giảm thiểu thiệt hại. Cử cán bộ bám sát địa bàn, kịp thời chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở nuôi các biện pháp phòng chống và khắc phục thiệt hại do mưa bão, lũ gây ra để ổn định sản xuất.

1. Các biện pháp phòng chống trước khi mưa bão

Hướng dẫn người nuôi thủy sản chuẩn bị đầy đủ nguyên, nhiên, vật liệu, máy móc, trang thiết bị (lưới, đặng chắn, dụng cụ, cọc tre, cuốc xẻng, máy phát điện, mô tơ quạt nước, vôi, tàu thuyền, phao cứu sinh...) phục vụ cho công tác phòng, tránh, khắc phục hậu quả của thiên tai; Thu hoạch toàn bộ hoặc thu tỉa thủy sản nuôi khi đạt kích cỡ thương phẩm; Tổ chức nắm bắt tình hình nuôi trồng thủy sản, rà soát, dự kiến nhu cầu con giống thủy sản, hóa chất xử lý môi trường... để phục vụ công tác phục hồi sản xuất thủy sản sau mưa bão; Nạo vét kênh mương, đặt ống xả tràn, phát quang cành cây quanh bờ ao, gia cố bờ ao, đầm, các công trình phụ trợ tại cơ sở nuôi, đảm bảo an toàn khi mưa, bão đến; Thường xuyên kiểm tra, gia cố lại hệ thống dây neo, phao lồng; vệ sinh lồng bè thông thoáng. Xây dựng phương án di dời lồng bè vào khu vực kín gió, an toàn, có dòng chảy phù hợp, độ mặn ổn định (đối với nuôi ven biển) khi cần thiết. Trường hợp không di chuyển được lồng bè cần che chắn mặt lồng, bè bằng lưới có kích thước mắt lưới phù hợp để hạn chế thủy sản nuôi thoát ra ngoài; đặc biệt chú ý sơ tán lao động về nơi trú ẩn an toàn để đảm bảo không có thiệt hại về người khi xảy ra thiên tai.

2. Các biện pháp khắc phục sau mưa bão

Hướng dẫn người nuôi xả bớt nước trên tầng mặt, tiến hành chạy máy quạt nước, sục khí nhằm hạn chế sự phân tầng nước, nhất là đối với những ao nuôi thâm canh có mật độ cao; Thường xuyên kiểm tra, xử lý các yếu tố môi trường nước ao, đầm, nơi đặt lồng bè nuôi đảm bảo các yếu tố môi trường nằm trong giới hạn cho phép. Di chuyển lồng bè đến vùng nuôi có chất lượng nước đảm bảo an toàn khi cần thiết; Bổ sung vitamin C hoặc chế phẩm sinh học vào thức ăn để tăng cường sức đề kháng cho thủy sản nuôi; thường xuyên theo dõi sức khỏe của thủy sản nuôi để có biện pháp xử lý kịp thời; Sử dụng thuốc, hóa chất để tiêu độc, khử trùng và xử lý môi trường nước sau khi mưa, bão, lũ tan (nếu bị ô nhiễm) hoặc khi có thủy sản bị chết; Chủ động thực hiện và phối hợp với cơ quan chức năng liên quan trong quan trắc, cảnh báo sớm diễn biến môi trường vùng nuôi trồng thủy sản.

Hướng dẫn người nuôi thủy sản thực hiện các quy định của pháp luật trong nuôi trồng thủy sản, thống kê chính xác diện tích, mức độ thiệt hại để làm cơ sở đề xuất hỗ trợ cho người dân theo quy định tại Nghị định 02/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khắc phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh □

BBT (gt)

PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN NHÂN RỘNG MÔ HÌNH HỢP TÁC XÃ KIỂU MỚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

Ngày 03/2/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 167/QĐ-TTg phê duyệt Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã (HTX) kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021 - 2025.

Mục tiêu Đề án

Mục tiêu đến năm 2025 lựa chọn được tối thiểu 300 HTX/liên hiệp HTX xã tham gia, hoạt động theo 12 mô hình của Đề án; 100% HTX thí điểm hoạt động hiệu quả cao, được đánh giá xếp loại Tốt, đạt từ 80 điểm trở lên theo Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/01/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn và đánh giá HTX; xây dựng Phương án nhân rộng các mô hình HTX kiểu mới hiệu quả trên phạm vi cả nước trong 5 năm tiếp theo (giai đoạn 2026 - 2030).

Đối tượng tham gia Đề án là các HTX, liên hiệp HTX đang hoạt động hiệu quả trên phạm vi cả nước, có nhu cầu tham gia Đề án, được các địa phương lựa chọn, đáp ứng các điều kiện tham gia.

Về số lượng tham gia, khoảng 300 HTX trên phạm vi cả nước, trong đó mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lựa chọn tối đa 5 HTX tham gia.



Mục tiêu của đề án nhằm nhân rộng các mô hình HTX kiểu mới hoạt động hiệu quả

Thời gian thực hiện Đề án gồm 3 giai đoạn: Giai đoạn 1: Lựa chọn mô hình HTX thí điểm (trong năm 2021); giai đoạn 2: Hoàn thiện mô hình thí điểm, nhân rộng một số mô hình HTX kiểu mới đã hoàn thiện (đến ngày 30/6/2025); giai đoạn 3: Tổng kết, đề xuất phương án nhân rộng các mô hình HTX kiểu mới hiệu quả (6 tháng cuối năm 2025).

Điều kiện tham gia Đề án

- Điều kiện bắt buộc: HTX hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012; HTX đang hoạt động sản xuất, kinh doanh và phát triển theo các mô hình được Đề án lựa chọn; HTX kinh doanh hiệu quả, có lãi liên tục trong 3 năm tài chính; HTX nộp đầy đủ hồ sơ đăng ký tham gia Đề án, trong đó có Bản đánh giá HTX năm 2020 đạt loại Khá (65 điểm) trở lên.

- Điều kiện ưu tiên: Các HTX có nhiều thành viên tham gia, được sự đồng tình, nhất trí của thành viên và Chính quyền cơ sở nơi HTX đặt trụ sở. Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; các HTX sản xuất quy mô lớn, sản phẩm chủ lực của địa phương theo hướng xuất khẩu, liên kết với doanh nghiệp, tham gia chuỗi giá trị, ứng dụng khoa học công nghệ cao, gắn với tăng trưởng xanh; các HTX có

đồng thành viên là nữ hoặc phụ nữ tham gia quản lý; vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo; tạo việc làm, hỗ trợ cho người yếu thế; do thanh niên khởi nghiệp; các HTX đã tham gia thí điểm HTX kiểu mới Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016 - 2020.

Các mô hình HTX lựa chọn hoàn thiện

Mô hình HTX vừa sản xuất, vừa tham gia thị trường (sản giao dịch nông sản); mô hình HTX tích tụ, tập trung ruộng đất có quy mô lớn và ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất; mô hình HTX nông nghiệp đảm nhiệm các dịch vụ đầu vào, sơ chế/chế biến và đầu ra trong chuỗi giá trị nông sản; mô hình HTX ứng phó biến đổi khí hậu; mô hình HTX sản xuất sản phẩm OCOP, gắn với du lịch nông thôn, miền núi; mô hình doanh nghiệp tham gia là thành viên HTX sản xuất chế biến nông lâm thủy sản; mô hình HTX đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản và bảo vệ nguồn lợi cộng đồng; mô hình HTX giao thông vận tải; mô hình HTX xây dựng; mô hình HTX tiểu thủ công nghiệp gắn với phục hồi và phát triển làng nghề truyền thống; mô hình HTX dịch vụ vì cộng đồng.

Chính sách hỗ trợ

Hỗ trợ các HTX thực hiện thí điểm theo quy định tại Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã năm 2012, Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 193/2013/NĐ-CP; theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, HTX giai đoạn 2021 - 2025, trong đó ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% cho HTX thí điểm □

BBT (gt)

SƠ KẾT SẢN XUẤT TRỒNG TRỌT VỤ HÈ THU VÀ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VỤ THU ĐÔNG, VỤ MÙA NĂM 2021



Toàn cảnh Hội nghị

Ngày 8/7/2021, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổ chức Hội nghị trực tuyến sơ kết sản xuất trồng trọt vụ hè thu và triển khai kế hoạch sản xuất vụ thu đông, vụ mùa năm 2021 các tỉnh thành Nam Bộ.

Phát biểu tại hội nghị, Bộ trưởng Lê Minh Hoan nhấn mạnh, chuyển sang tư duy kinh tế nông nghiệp thì phải tính toán chi phí sản xuất. Đặc biệt, trước tình trạng giá phân bón, giá thuốc bảo vệ thực vật tăng cao thì hiệu quả sản xuất không chỉ là sản lượng mà cần tính đến chi phí đầu vào. Việc lệ thuộc vật tư đầu vào từ nhập khẩu cũng cần tính đến cả việc tự chủ những vật tư này. Bên cạnh đó, những mô hình tằm – lúa, cá – lúa... hay thay vụ lúa bằng vụ tằm, vụ cá cũng cần chia sẻ, nhân rộng để có tư duy tích hợp trong sản xuất. Từ đó, mang lại hiệu quả sản xuất, giảm áp lực tiêu thụ một sản phẩm.

Bộ trưởng cũng chỉ ra, mã số vùng trồng sẽ tích hợp được thông tin mùa vụ. Thông qua đó để chuyển hóa, thay đổi hành vi sản xuất nông sản chất lượng hơn. Tuy nhiên hiện nay, ngành lại đang đi

ngược từ nhu cầu xuất khẩu quay trở lại cấp mã số vùng trồng. Trong khi bản chất, mã số vùng trồng là quản lý sản xuất, thông tin mùa vụ, kế hoạch sản xuất, còn xuất khẩu chỉ là một vấn đề. Do vậy, ngành nông nghiệp phải tư duy lại là đã trồng trọt ở vùng nông sản thì phải xây dựng mã số vùng trồng. Qua đó, có thể số hóa dữ liệu để hướng đến quản lý sản xuất, làm chủ con số thống kê để phân tích, khuyến cáo trong sản xuất. Từ đó, tránh gặp phải câu chuyện như trồng hồ tiêu, diện tích đã tăng lên gấp đôi so với định hướng sản xuất của ngành. “Đây là trách nhiệm của địa phương, đặc biệt là giám đốc các sở nông nghiệp và Bộ sẽ có nhiệm vụ xây dựng tiêu chí hướng dẫn, kiểm tra” - Bộ trưởng Lê Minh Hoan nhấn mạnh.

Đại diện Cục Trồng trọt cho biết, tổng diện tích xuống giống lúa vụ hè thu 2021 vùng Nam Bộ là gần 1,6 triệu ha, giảm 11 nghìn ha so với vụ hè thu 2020; năng suất ước đạt 56,51 tạ/ha, tăng 1,14 tạ/ha. Sản lượng lúa ước đạt 9,036 triệu tấn, tăng 120 nghìn tấn so với vụ hè thu 2020. Cơ cấu giống lúa sản xuất từng mùa vụ đang có xu hướng chuyển dịch dần sang các giống lúa thơm, đặc sản.

Thực hiện chương trình tái cơ cấu ngành hàng lúa gạo, ngành nông nghiệp đã ưu tiên đẩy nhanh ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và giảm khối lượng hạt giống lúa gieo sạ trên một đơn vị diện tích. Từ đó, giảm chi phí đầu tư về hạt giống, phân bón và thuốc bảo vệ thực vật khoảng từ 2 – 3 triệu đồng/ha tùy từng vùng sản xuất. Việc tăng tỷ lệ sử dụng giống lúa xác nhận và nguyên chủng đạt trên 75%, giúp tăng năng suất và chất lượng lúa gạo hàng hóa và giảm đáng kể chi phí sản xuất. Điều này mang lại lợi nhuận cao hơn cho người sản xuất và tăng lợi thế cạnh tranh cho ngành hàng lúa gạo xuất khẩu.

Thời điểm thu hoạch vụ hè thu, Cục Trồng trọt khuyến cáo, lúa chín đến đâu, nông dân cần tranh thủ thu hoạch đến đó với phương châm “xanh nhà hơn già đồng” để hạn chế tối thiểu lúa đổ ngã trong mùa mưa, làm giảm năng suất và chất lượng lúa thương phẩm. Các địa phương cần theo dõi diễn biến của lũ, bão và tăng cường kiểm soát tình hình sản xuất lúa hè thu để có kế hoạch cụ thể cho vụ thu đông. Khi bố trí thời vụ cho lúa thu đông cần lưu ý đến thời điểm xuống giống chính vụ lúa đông xuân 2021 - 2022. Việc sử dụng những giống lúa cho vụ thu đông cũng cần lưu ý về tính chống chịu với rầy nâu, vàng lùn và lùn xoắn lá, bệnh cháy lá, cháy bìa lá và giống có độ cứng cây để hạn chế đổ ngã. Từ vụ hè thu sang thu đông cần có thời gian giãn cách; triển khai làm đất, vệ sinh đồng ruộng thật tốt để tiêu hủy nguồn bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá; tiêu hủy rơm rạ hoặc sử dụng các hoạt chất phân hủy rơm rạ để hạn chế ngộ độc hữu cơ □

TTXVN

“DIỄN ĐÀN NÔNG NGHIỆP 4.0: KẾT NỐI CUNG CẦU - NÂNG TẦM NÔNG SẢN”



Các khách mời tham dự buổi tọa đàm tại điểm cầu Truyền hình Quốc hội Việt Nam

Vừa qua, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đã phối hợp với Truyền hình Quốc hội Việt Nam và UBND tỉnh Sơn La tổ chức tọa đàm trực tuyến: “Diễn đàn nông nghiệp 4.0: Kết nối cung cầu – Nâng tầm nông sản” nhằm đẩy mạnh liên kết cung cầu, quảng bá nông sản địa phương, kiến nghị các chính sách phù hợp cho sản xuất và tiêu thụ nông sản trong đại dịch Covid -19, hướng tới xây dựng vùng nguyên liệu tập trung phục vụ cho chế biến và xuất khẩu.

Tại điểm cầu Truyền hình Quốc hội Việt Nam, tọa đàm có sự tham gia của bà Đoàn Thị Thanh Mai - Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế của Quốc hội, ông Trần Thanh Nam - Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT, ông Lê Quốc Thanh - Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia và đại diện Tổng công ty cổ phần Bưu chính Viettel (Viettel Post). Tham dự điểm cầu tại tỉnh Sơn La có ông Nguyễn Thành Công - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La; ông Hà Như Huệ - Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Sơn La; ông Nguyễn Thanh Tùng, Giám đốc Công ty Cổ phần xuất khẩu thực phẩm Đồng Giao (Doveco) chi nhánh Sơn La; cùng đại diện lãnh đạo một số hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.

Tại tọa đàm, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Trần Thanh Nam nhấn mạnh, dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp trên thế giới và trong nước, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc sản xuất và tiêu thụ nông sản. Vì vậy, ngành nông nghiệp đã phối hợp với các bộ, ngành, địa phương có sản lượng nông sản lớn để xây

dựng kế hoạch tiêu thụ nông sản; chủ động tổ chức các buổi kết nối, xúc tiến tiêu thụ sản phẩm. Từ đây, giúp các địa phương đẩy mạnh liên kết với các tập đoàn, doanh nghiệp bán lẻ để tiêu thụ sản phẩm. Các địa phương theo đó tập trung xây dựng vùng nguyên liệu chất lượng, theo lợi thế của từng địa phương; đẩy mạnh quảng bá, tiêu thụ sản phẩm thông qua thương mại điện tử; phối hợp với các bộ, ngành tháo gỡ rào cản để tạo điều kiện thuận lợi cho xuất khẩu nông sản.

Sơn La vốn là địa phương gặp nhiều khó khăn trong sản xuất nông nghiệp. Nhờ chủ trương về phát triển cây ăn quả trên đất dốc đã biến Sơn La thành một "hiện tượng" trong phát triển kinh tế. Theo thống kê, năm 2020, tổng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp Sơn La ước đạt gần 7.600 tỷ đồng với gần 80.000 ha cây ăn quả, tổng sản lượng đạt gần 337.000 tấn. Trong đó, diện tích cây trồng được áp dụng quy trình sản xuất an toàn hơn 17.500 ha; cấp 181 mã số vùng trồng cho hơn 4.700 ha cây ăn quả phục vụ xuất khẩu; 21 sản phẩm được cấp văn bằng bảo hộ. Năm 2021, dự kiến tỉnh Sơn La tiêu thụ khoảng 430.000 tấn nông sản. Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid19, việc tiêu thụ nông sản gặp không ít khó khăn.

Chia sẻ về những kinh nghiệm, giải pháp giúp người nông dân tiêu thụ nông sản, ông Nguyễn Thành Công - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La cho biết, địa phương đã lập Ban chỉ đạo xuất khẩu, tiêu thụ nông sản với sự tham gia của các sở, ngành địa phương. Đồng thời, định hướng

tiêu thụ thông qua xuất khẩu sang các thị trường Trung Quốc, châu Âu, Mỹ. Cùng với đó, địa phương còn kết nối với các hệ thống siêu thị, chợ đầu mối, các sàn thương mại điện tử để hỗ trợ tiêu thụ nông sản. Tỉnh Sơn La cũng hướng đến sản xuất nông sản theo đơn hàng, nâng cao chất lượng sản phẩm; tính toán giãn vụ, rải vụ để giảm áp lực về thời vụ và giá cho người nông dân.

Bộ Nông nghiệp và PTNT xác định Sơn La là vùng trọng điểm phía Bắc để tái cơ cấu ngành nông nghiệp; xây dựng vùng nguyên liệu gắn với nhà máy chế biến. Do vậy, Bộ sẽ quan tâm xây dựng một số kho bảo quản lạnh để đảm bảo việc sơ chế, bảo quản nông sản trong thời gian ngắn.

Ông Lê Quốc Thanh - Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia cho biết, bên cạnh những kết quả to lớn mà ngành nông nghiệp đã đạt được thì ở nhiều vùng, liên kết giữa các “nhà” trong sản xuất, tiêu thụ nông sản còn lỏng lẻo, chưa gắn kết với nhau. Thực trạng nông dân không tiêu thụ được nông sản trong khi Nhà máy chế biến vẫn thiếu nguồn nguyên liệu; sản phẩm của nông dân không đáp ứng được các tiêu chuẩn của Nhà máy đặt ra. “Do đó chúng ta phải có tổ chức lại sản xuất, trong đó phát triển kinh tế hợp tác chính là khớp nối giữa doanh nghiệp và nông dân. Nông dân có thể sản xuất trên mảnh ruộng của mình nhưng phải đáp ứng được tiêu chuẩn mà doanh nghiệp đề ra; ngược lại khi nông dân đáp ứng được tiêu chuẩn thì doanh nghiệp phải giữ cam kết thu mua đúng giá, đúng số lượng cho nông dân. Để giúp nông dân sản xuất đúng theo yêu cầu của các Nhà máy thì hệ thống khuyến nông ở các địa phương luôn sẵn sàng trợ giúp nông dân mọi vấn đề về kỹ thuật, công nghệ” – ông Lê Quốc Thanh khẳng định □

BBT (gt)

CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN NÔNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU SẢN XUẤT HÀNG HÓA THEO CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG

Chương trình khuyến nông tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021 - 2025 được định hướng phát triển ngành nông nghiệp đáp ứng yêu cầu sản xuất hàng hóa theo cơ chế thị trường gắn với sản xuất liên kết chuỗi nhằm chuyển đổi từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp.

Đối tượng được chương trình hỗ trợ đầu tư gồm các chủ trang trại sản xuất kinh doanh lĩnh vực nông nghiệp, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp và hộ nông dân với mục tiêu chú trọng tổ chức lại sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng quy mô lớn và chuỗi giá trị; tập trung chuyển giao và áp dụng nhanh tiến bộ kỹ thuật mang tính đột phá và có khả năng lan tỏa như: tiến bộ kỹ thuật về giống, quy trình sản xuất thâm canh tổng hợp, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, chế biến và tiêu thụ sản phẩm phù hợp với từng đối tượng cây trồng, vật nuôi, thủy sản và điều kiện từng vùng, địa phương nhằm nâng cao năng suất, giá trị sản phẩm nông sản, gắn với đáp

ứng các yêu cầu về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm gắn với bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, chương trình tập trung nâng cao hiệu quả công tác khuyến nông và huy động các nguồn lực nhằm từng bước thực hiện xã hội hóa công tác khuyến nông và tạo tiền đề vững chắc để thực hiện thành công Đề án "Cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh giai đoạn 2021 -2025, tầm nhìn đến năm 2035" gắn với xây dựng nông thôn mới.

Nhiệm vụ cụ thể là, hằng năm xây dựng 55 - 70 mô hình chuyển giao công nghệ thâm canh sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực của tỉnh theo chuỗi giá trị, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo hướng GAP, trong đó có 20 - 30 điểm mô hình ứng dụng công nghệ cao; tổ chức 3 - 4 lớp tập huấn nâng cao trình độ, năng lực cho cộng tác viên khuyến nông cơ sở và nông dân chủ chốt; 7 - 10 lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn, 175 - 200 nông dân được huấn luyện tay nghề theo phương pháp lớp học hiện trường gắn với mô hình trình diễn; xây dựng và cộng tác với báo/đài phát sóng

định kỳ 24 lần/năm các chuyên mục, chương trình khuyến nông về nông nghiệp nông thôn, kết hợp áp dụng các hình thức chuyển giao kỹ thuật, công nghệ mới thông qua truyền hình, internet; duy trì và nâng cấp tạp chí khuyến nông, bản tin khuyến nông thị trường; tổ chức và phối hợp tổ chức 5 - 7 diễn đàn khuyến nông địa phương và khu vực; Phát triển nâng cấp hoạt động tư vấn khuyến nông theo hướng dịch vụ phù hợp với điều kiện sản xuất tại địa phương, duy trì 20 - 30 kỳ hoạt động tư vấn khuyến nông theo hình thức tọa đàm và hội thảo chuyên đề, xây dựng 30 - 40 câu lạc bộ Khuyến nông kiểu mới tại các xã/phường/thị trấn có hoạt động sản xuất nông nghiệp và có nhu cầu.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Vĩnh Long được giao chủ trì tổ chức triển khai chương trình đảm bảo kịp thời, hiệu quả và chất lượng.

MỸ LỘC

Trung tâm Dịch vụ KTNN Vĩnh Long



Bưởi Phúc Trạch là sản phẩm đầu tiên được tỉnh Hà Tĩnh xác định thực hiện chuyển đổi số để làm nền tảng phát triển kinh tế số kết nối sản xuất với thị trường tiêu thụ sản phẩm nhằm đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm thông qua sàn thương mại điện tử.

CHUYỂN ĐỔI SỐ TRÊN CÂY BƯỚI PHÚC TRẠCH



Sản phẩm bưởi Phúc Trạch sẽ có mặt trên các sàn giao dịch thương mại điện tử

Với vai trò là đầu mối kết nối với Công ty Cổ phần iCheck, Trung tâm Khuyến nông Hà Tĩnh đang tập trung triển khai thực hiện chuyển đổi số trên cây bưởi Phúc Trạch với các nội dung: khảo sát thực địa; tuyên truyền, tập huấn, đào tạo; cài đặt phần mềm, vận hành hệ thống, xây dựng cơ sở dữ liệu số phục vụ sản xuất, kinh doanh, quản lý điều hành; thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm; xây dựng hệ thống cổng thông tin sản phẩm kết hợp xúc tiến thương mại... để đưa bưởi Phúc Trạch lên các sàn thương mại điện tử ngay trong vụ bưởi năm nay và hướng tới xuất khẩu bưởi Phúc Trạch ra thị trường thế giới.

Với quyết tâm cao, Trung tâm đã thành lập tổ công tác chuyển đổi số và tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện nhằm hoàn thành thành nhiệm vụ được giao. Đến nay, Trung tâm đã hướng dẫn người dân khai báo các thông tin quản lý để phục vụ công tác truy xuất nguồn gốc sản phẩm bưởi. Nhập thông tin vào phần mềm để từng bước số hóa, quản lý điện tử trên môi trường mạng nhằm minh bạch thông tin sản phẩm, giúp người quản lý và người tiêu dùng nắm rõ nguồn gốc sản phẩm; trước mắt tập trung vào các Hợp tác xã, Tổ hợp tác và các hộ sản xuất có chứng nhận VietGAP. Song song với đó, Công ty cổ phần iCheck đang xây dựng phần mềm, App ứng dụng trên các thiết bị di động để người dân nhập dữ liệu phục vụ quản lý và quảng bá sản phẩm trên các sàn thương mại điện tử.

Bưởi Phúc Trạch từ lâu đã được biết đến là sản phẩm đặc sản nổi tiếng được trồng chủ yếu tại huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh. Qua kết quả rà soát, đến nay, diện tích sản xuất bưởi Phúc Trạch tại 19 xã thuộc vùng chỉ dẫn địa lý là 2.593 ha, trong đó diện tích cho thu hoạch là 1.777 ha, năng suất bình quân dự kiến là 10,76 tấn/ha, sản lượng ước đạt 19.120 tấn. Diện tích được chứng nhận đạt tiêu chuẩn VietGAP đạt 1.206 ha. Hình thành được 6 hợp tác xã, 167 tổ hợp tác. Hiện nay, diện tích, năng suất, chất lượng sản phẩm bưởi Phúc Trạch đã dần ổn định. Công tác nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học kỹ thuật, quy trình sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng như VietGAP, hữu cơ... được tăng cường áp dụng. Công tác quảng bá, xúc tiến thương mại được đẩy mạnh. Nhiều năm qua, cây bưởi Phúc Trạch đã giúp nhiều hộ nông dân thoát nghèo và hướng tới làm giàu.

Tuy nhiên, sản xuất, kinh doanh bưởi Phúc Trạch nói riêng và cây ăn quả có múi của tỉnh Hà Tĩnh đang đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Biểu hiện rõ nhất là nhà sản xuất gặp khó khăn trong việc chuẩn hóa thương hiệu, áp dụng công nghệ vào sản xuất để tạo ra sản phẩm đảm bảo tiêu chuẩn theo yêu cầu của thị trường. Cùng với đó là không có đầu mối tiêu thụ hoặc ổn định, sản xuất manh mún, nhỏ lẻ, thiếu liên kết bền vững. Trước những bất cập này, đã có nhiều giải pháp được triển khai, trong đó,

số hóa quy trình sản xuất, quản lý, quảng bá thương hiệu bưởi Phúc Trạch được xem là giải pháp bài bản, tiên tiến, phù hợp với xu thế phát triển. Đó cũng chính là mục tiêu đặt ra trong lộ trình chuyển đổi số của ngành nông nghiệp tỉnh nhà. Việc làm này được triển khai trước hết là trên cây bưởi Phúc Trạch và tiếp đến là cây cam chanh cùng nhiều sản phẩm khác.

Vừa qua, trong buổi kiểm tra công tác thực hiện chuyển đổi số tại huyện Hương Khê, đồng chí Phó chủ tịch UBND tỉnh Đặng Ngọc Sơn đã chỉ đạo Trung tâm Khuyến nông tích cực phối hợp với Công ty Cổ phần iCheck sớm hoàn thiện phần mềm để thực hiện chuyển đổi số trên cây bưởi Phúc Trạch nhằm đảm bảo vụ thu hoạch năm 2021, sản phẩm bưởi Phúc Trạch sẽ có mặt trên các sàn giao dịch thương mại điện tử, giúp người dân tiết giảm được chi phí trong sản xuất cũng như thuận lợi trong tiêu thụ sản phẩm. "Sự thành công chuyển đổi số trên sản phẩm bưởi Phúc Trạch sẽ đóng vai trò vô cùng quan trọng, làm tiền đề cho việc thực hiện chuyển đổi số trên các sản phẩm tiếp theo" - Phó chủ tịch UBND tỉnh nhấn mạnh

NGUYỄN HOÀN

Trung tâm Khuyến nông Hà Tĩnh

MÔ HÌNH TRỒNG BÍ BAO TỬ GẮN VỚI BAO TIÊU SẢN PHẨM

Sau hơn 2 tháng gieo trồng, chăm sóc, đến nay hơn 1,5 ha bí bao tử (quả bí non, nụ hoa) được trồng vụ đầu tiên theo hình thức liên kết gắn với bao tiêu sản phẩm của các hộ gia đình ở xã Thiện Kế, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang đang cho thu hoạch rộ, mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Mô hình được Hợp tác xã Thái Thiện liên kết với Công ty Nông sản Dũng Hà (Hà Nội) triển khai vụ xuân năm 2021 tại các thôn Làng Thiện, Văn Sòng, Thiện Tân, Vạt Chanh với 9 hộ tham gia, tổng diện tích hơn 1,5 ha. Các hộ tham gia được hỗ trợ một phần giống và hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch cây bí, đồng thời cam kết bao tiêu toàn bộ sản phẩm. Năm nay thời tiết thuận lợi, cây bí phát triển tốt, không có sâu bệnh nên đạt năng suất cao, giá thu mua từ 30.000 - 40.000 đồng/kg, người nông dân thu về khoảng 4 - 5 triệu đồng/sào (360m²). Các hộ tham gia mô hình đều rất phấn khởi vì hiệu quả kinh tế đem lại khá cao.

Là người tiên phong trong thực hiện liên kết trồng bí bao tử, ông Phạm Xuân Mão, thôn Thiện Tân chia sẻ: Năm 2021, được Hợp tác xã Thái Thiện tuyên truyền, vận động và hỗ trợ một phần giống, ông đã quyết định trồng bí bao tử trên diện tích đất đã trồng cây chanh Nhật năm thứ hai. Hiện vườn bí của gia đình thu hoạch được 10 ngày, mỗi ngày thu được 7 - 8 kg, ngày nhiều nhất thu được hơn 12 kg. Với giá bán 38.000 đồng/kg, có thu nhập khoảng 300.000 đồng/ngày.

Ông Đặng Văn Hùng, thôn Vạt Chanh cho biết, cây bí bao tử rất dễ trồng, hầu như không phải chăm sóc nhiều. Sau khi trồng đến khi cây mọc 5 - 6 lá thì ngắt ngọn để cây đẻ nhánh. Khi cây sắp cho thu hoạch, chú ý cung cấp đủ phân để cây ra hoa, đều nụ. Với gần 14 sào bí bao tử, hiện tại gia đình ông đã thu được khoảng 2,5 tạ, ước sản lượng đạt 1,5 tạ/sào. Với giá bán 38.000 đồng/kg, thu lãi hơn 4 triệu đồng/sào/vụ. Thu hoạch đến đâu hợp tác xã thu mua hết đến đó nên người dân rất yên tâm sản xuất.

Cây bí bao tử có thời gian sinh trưởng ngắn, phát triển khỏe, sau khi trồng 45 - 50 ngày có thể thu hoạch và thu liên tục trong hơn 2 tháng. Bí bao tử đặc ruột, quả chắc, ăn ngon, giòn, giá trị dinh dưỡng cao nên thị trường rất ưa chuộng. Hiện sản phẩm bí được Công ty nông sản Dũng Hà thu mua với giá ổn định từ 30.000 - 40.000 đồng/kg, sản phẩm không đủ cung cấp cho công ty.

Từ kết quả bước đầu của mô hình, Hợp tác xã tiếp tục phối hợp với các tổ chức đoàn thể tuyên truyền vận động nhân dân tận dụng diện tích đất soi bãi, đất cấy 1 vụ lúa thường xuyên bị hạn, năng suất thấp chuyển sang trồng cây có giá trị kinh tế cao. Đồng thời, phối hợp với Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện tổ chức tập huấn, nâng cao kỹ thuật canh tác cho bà con nông dân. Bên cạnh đó, chủ động kêu gọi, thu hút các doanh nghiệp, cửa hàng kinh doanh sản phẩm nông nghiệp ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm cho nông dân để tránh tình trạng “được mùa mất giá” □

VŨ NGỌC TUYẾN

Trung tâm Khuyến nông Tuyên Quang



MÔ HÌNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Những năm gần đây, điều kiện khí hậu khắc nghiệt gia tăng trong mùa khô, hiện tượng thiếu nước tưới đã ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp tại các tỉnh Tây Nguyên. Trước thực trạng trên, bằng nhiều nguồn kinh phí khác nhau Trung tâm Khuyến nông tỉnh Đắk Nông đã triển khai xây dựng nhiều mô hình tưới tiết kiệm nước tiên tiến nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất.

Từ năm 2016 - 2020, Trung tâm Khuyến nông Đắk Nông đã triển khai xây dựng mô hình tưới tiên tiến tiết kiệm nước trên diện tích 48 ha cho 70 hộ dân sản xuất hồ tiêu, xoài, cam, quýt, cà phê. Các hộ tham gia mô hình được hỗ trợ vật tư, thiết bị, hướng dẫn quy trình kỹ thuật sử dụng, vận hành phù hợp với thực tế tại từng hộ. Trung tâm đã lựa chọn công nghệ tưới Israel gồm 1 mô-tơ bơm, 1 bộ lọc, 1 bộ tưới phân, van xả áp suất, van điều áp điều khiển tự động nước bơm từ bộ phận điều khiển trung tâm đến các hệ thống ống nhánh. Từ ống nhánh, nước phân ra theo các ống nhỏ để đưa đến từng gốc cây, đầu phun mưa tự bù áp lực nước được gắn chìm trong ống nhựa cố định. Tùy theo từng loại cây để cài đặt thời gian tưới cho phù hợp, vừa tiết kiệm nước, vừa đảm bảo vườn cây sinh trưởng và phát triển tốt.

Tại xã Đắk Gàn, huyện Đắk Mil, theo đánh giá của cán bộ và người dân địa phương, mô hình tưới tiên

tiến tiết kiệm nước trên cây xoài kết hợp bón phân do Trung tâm triển khai rất phù hợp. Đây là địa phương có điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng không thuận lợi, tình trạng thiếu nước trong mùa khô thường xuyên xảy ra, do đó mô hình tưới tiên tiến tiết kiệm nước rất cần được nhân rộng trên địa bàn.

Ông Trần Phụng Vy ở thôn Quảng An, xã Đạo Nghĩa, huyện Đắk Rlấp là hộ dân triển khai mô hình tưới tiên tiến tiết kiệm nước trên cây cà phê cho biết, việc thực hiện mô hình tưới tiên tiến tiết kiệm nước cho hiệu quả cao, ít tốn công lao động. Vườn cây duy trì được độ ẩm, lượng nước tưới trên 1 gốc được tính toán phù hợp, không gây lãng phí nước. Tại thời điểm tưới lần đầu tiên, với thời gian 3,5 giờ, tổng lượng nước tưới là 350 - 400 lít/gốc, chu kỳ tưới 20 ngày. Các lần tưới sau thời gian giảm xuống còn 3 giờ. Trước đó ông sử dụng hệ thống tưới dí thì lượng nước ước khoảng 500 lít/gốc/lần tưới. Như vậy việc áp dụng hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm là biện pháp tối ưu trong tình trạng mùa khô thiếu nước tưới diễn ra phổ biến ở nhiều địa phương.

Tại nhiều địa phương, việc áp dụng tưới tiên tiến tiết kiệm nước trong sản xuất nông nghiệp đã đem lại hiệu quả về nhiều mặt như tăng năng suất cây trồng, giảm chi phí sản xuất, tăng thu nhập cho người dân, đặc biệt là giải quyết được phần nào việc thiếu nước trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt. Mặc

dù có nhiều ưu điểm vượt trội so với phương pháp tưới truyền thống, nhưng việc áp dụng công nghệ này vào sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh vẫn còn hạn chế. Nguyên nhân là do chi phí đầu tư đối với công nghệ tưới tiên tiến tiết kiệm nước còn cao so với thu nhập của người dân. Khi áp dụng công nghệ này đòi hỏi người sản xuất phải tính toán sử dụng trong một thời gian mới hoàn vốn và có lãi nên động lực để thúc đẩy áp dụng công nghệ của người sản xuất chưa đủ lớn.

Để phát triển, mở rộng áp dụng mô hình, thời gian tới, Trung tâm Khuyến nông tỉnh tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giới thiệu các mô hình sản xuất nông nghiệp thành công có sử dụng hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước để doanh nghiệp và bà con nông dân được biết và thấy được hiệu quả của việc tưới tiên tiến, tiết kiệm so với phương pháp tưới truyền thống, từ đó người dân sẽ chủ động áp dụng. Ngoài ra, Trung tâm sẽ tăng cường đào tạo, tập huấn, nâng cao nhận thức và năng lực cho người dân; đào tạo, chuyển giao công nghệ về tưới tiên tiến, tiết kiệm nước gắn với công tác khuyến nông; xây dựng các mô hình mẫu, mô hình trình diễn công nghệ tiên tiến, tiết kiệm nước; tổ chức sản xuất và liên kết sản xuất, tiêu thụ... lồng ghép trong các dự án đầu tư công để làm cơ sở nhân rộng mô hình. □

NGUYỄN THỊ THẢO

Trung tâm Khuyến nông Đắk Nông



Hệ thống tưới tiết kiệm trong vườn cây ăn quả là giải pháp sản xuất phù hợp trong điều kiện biến đổi khí hậu

TRIỂN KHAI HIỆU QUẢ CHƯƠNG TRÌNH OCOP TẠI TỈNH BÌNH ĐỊNH



Sản phẩm OCOP bánh tráng sachi của tỉnh Bình Định đã ký hợp đồng xuất khẩu sang các thị trường Đài Loan, Hàn Quốc và Singapore

Thực hiện Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) Bình Định giai đoạn 2018 – 2020, toàn tỉnh có 91 chủ thể tham gia chương trình OCOP, trong đó 71 chủ thể với 81 sản phẩm đã được đánh giá, phân hạng sản phẩm cấp tỉnh và được cấp giấy chứng nhận sản phẩm OCOP đạt 3 sao trở lên.

Thời gian qua, Bình Định là một trong những địa phương triển khai có hiệu quả chương trình OCOP, tạo động lực để các doanh nghiệp mở rộng thị trường, phát triển sản xuất kinh doanh và quảng bá thương hiệu đặc sản Bình Định. Kế hoạch năm 2021, ngành nông nghiệp tỉnh chú trọng triển khai các chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, chứng nhận OCOP nhằm tăng giá trị sản phẩm nông nghiệp; Phát triển mới khoảng 30 sản phẩm được chứng nhận đạt chuẩn sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên, trong đó có khoảng 3 sản phẩm OCOP được chứng nhận đạt hạng 4 sao và 1 sản phẩm OCOP được chứng nhận

đạt hạng 5 sao, nâng hạng sao 15 sản phẩm đã được chứng nhận từ 3 sao lên 4 sao và 2 sản phẩm từ 4 sao lên 5 sao.

Bà Huỳnh Thị Tuyết Nga, Giám đốc Hợp tác xã (HTX) sản xuất, thương mại và dịch vụ Phong Nga (huyện Phù Cát, Bình Định) chia sẻ: Sau khi tham gia Chương trình OCOP, các loại sản phẩm của HTX được hỗ trợ truyền thông, quảng bá, tham gia hội chợ, triển lãm nên nhiều người đã biết đến. Năm 2021, sản phẩm của HTX được đưa vào các siêu thị tại Quy Nhơn, An Nhơn, Big C,... đồng thời tìm nhà phân phối mới, mở rộng thị trường bán lẻ, tiếp cận đến cả các tiệm tạp hóa nhỏ, các cửa hàng đặc sản... Hiện nay, HTX đã xây dựng bộ nhận diện thương hiệu nhằm quảng bá sản phẩm với người tiêu dùng.

Ông Nguyễn Hữu Vinh, Giám đốc Công ty TNHH Sachi Nguyễn (thị trấn Tam Quan, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định) cho biết: Tham gia Chương trình OCOP, Công ty tập trung sản xuất 4 mặt

hàng chủ lực là bánh tráng nước dừa, bánh tráng gạo mè, bánh tráng rong biển, bánh tráng ruốc biển; Đồng thời chuẩn hóa quy trình sản xuất bằng hệ thống máy khép kín; Sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng. Cùng với đó, chú trọng vào đa dạng mẫu mã, thiết kế hình ảnh bao bì phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng hiện đại. Thông qua nhiều kênh kết nối, Công ty mở bán sản phẩm trên trang thương mại điện tử Alibaba. Các sản phẩm bánh tráng Sachi đủ điều kiện xuất khẩu sang thị trường Đài Loan, cung ứng 200 thùng bánh tráng/tháng vào giữa tháng 3/2021. Đầu tháng 4/2021, Công ty tiếp tục ký thêm 2 hợp đồng độc quyền xuất khẩu bánh tráng sang thị trường Hàn Quốc và Singapore.

Ông Trần Văn Phúc, Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Bình Định cho rằng: Cần phải xác định rõ OCOP là chương trình phát triển kinh tế nông thôn dựa trên thế mạnh, lợi thế, sản vật địa phương, vùng miền. Các chủ thể sản xuất OCOP phải chủ động nâng cao nhận thức, tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng, áp dụng qui trình sản xuất nông nghiệp tốt, xanh, sạch, an toàn, bảo vệ môi trường, giữ gìn bản sắc văn hóa vùng, miền của các sản phẩm nông thôn, sản phẩm làng nghề...

Cùng với sự hỗ trợ của Nhà nước, các chủ thể sản xuất OCOP có thể mở rộng thương mại hóa, chuẩn hóa tiêu chuẩn sản phẩm OCOP, tăng cường quảng bá để giúp lan tỏa rộng rãi sản phẩm OCOP tại thị trường trong nước và hướng tới xuất khẩu □

ĐINH VĂN TOẠI

Sở Nông nghiệp và PTNT Bình Định

CÔ GÁI TRẺ ĐAM MÊ SẢN XUẤT NẤM ĐÔNG TRÙNG HẠ THẢO

Từ niềm đam mê với ngành sinh học, Đinh Hạnh - cô gái trẻ sinh năm 1994 ở khu phố 3, phường Sài Gòn, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận quyết định khởi nghiệp bằng nghề trồng nấm đông trùng hạ thảo và mang lại doanh thu không nhỏ.

Đinh Hạnh chia sẻ, trước đây cô chỉ trồng nấm linh chi và nấm bào ngư nhưng để đầu tư mở rộng sản xuất thì cần tìm thị trường tiêu thụ rộng lớn hơn. Qua tìm hiểu, thấy loài nấm đông trùng hạ thảo trồng không tốn nhiều diện tích mà có thể chế biến ra được nhiều loại sản phẩm hỗ trợ sức khỏe con người, được thị trường ưa chuộng nên cô đã nghiên cứu, xây dựng mô hình nuôi trồng loài nấm này trong khoảng 5 năm nay.

Theo Hạnh: “Thời tiết, khí hậu và môi trường xung quanh ở mỗi khu vực là khác nhau, mặc dù đã học lý thuyết trong khoá học về đông trùng hạ thảo tại trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh và được các thầy cô giúp đỡ hướng dẫn tận tình, nhưng khi về thực hành tại quê nhà vẫn vấp phải nhiều vấn đề phát sinh, nhiều khó khăn ngoài sách vở phải tự mày mò nghiên cứu. Tuy nhiên, tôi rất vui vì đã vượt qua được những thử thách này”.

Để làm chủ quy trình công nghệ từ sản xuất giống, nuôi trồng đến chế biến sản phẩm từ nấm đông trùng hạ thảo, Hạnh chịu khó mày mò học hỏi, rút kinh nghiệm thực tế từ các mô hình trồng nấm trước đó. Ngoài ra, cô còn được sự giúp đỡ của một giảng viên trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh, cộng với quá trình thường xuyên tham khảo sách báo. Hiện nay, sản phẩm từ nấm đông trùng hạ thảo của Hạnh đã cung ứng ra thị trường tỉnh Ninh Thuận và các địa phương khác, đặc biệt là tại thành phố Hồ Chí Minh.

Hạnh chia sẻ thêm: “Nấm đông trùng hạ thảo được nuôi cấy trên giá thể hỗn hợp bao gồm: gạo lứt, nước dừa, giá đỗ, khoai tây, nhộng tằm xay. Từ lúc cấy đến lúc thu hoạch khoảng hơn 40 ngày, với các điều kiện về nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng,... vô cùng khắt khe. Toàn bộ quy trình sản xuất nấm đông trùng hạ thảo phải trải qua nhiều khâu khử trùng nghiêm ngặt như: môi trường nuôi cấy, cấy giống cấp 1, cấy giống cấp 2, sau đó đến khâu ương sợi kích thích tạo quả thể, nuôi quả thể và thu hái. Việc nhân giống, cũng như các khâu nuôi trồng đông trùng hạ thảo phải được tuân thủ các quy trình kỹ thuật khép kín có như vậy sản phẩm làm ra mới đạt chất lượng”.

Sản phẩm đông trùng hạ thảo do cơ sở Hạnh sản xuất có hàm lượng dược chất được đánh giá khá cao so với mặt bằng chung.

Trên diện tích nhà xưởng hơn 500 m², được xây dựng khung trang gồm đầy đủ các phòng vô trùng, phòng lạnh, phòng cấy nấm, phòng nuôi và khu chế biến thành phẩm, cùng đầy đủ các trang thiết bị cần thiết. Riêng phòng nuôi có diện tích 50 m², có các kệ chứa lên đến 20.000 hũ/m². Theo tính toán trung bình, mỗi mẻ cho 20kg đông trùng hạ thảo khô, được bán sỉ với giá 30.000.000 đồng/kg. Cơ sở của Hạnh cung cấp rất nhiều sản phẩm từ đông trùng hạ thảo như: phôi giống cho các cơ sở nuôi, nấm đông trùng hạ thảo tươi, khô, khô nguyên khối, rượu, trà, detox, nước chiết từ đông trùng hạ thảo, sữa chua,... giúp người tiêu dùng có nhiều sự lựa chọn sử dụng dược liệu quý hỗ trợ sức khỏe. Các sản phẩm có tên thương mại “Đông trùng hạ thảo Nanola Ninh Thuận”.

Các sản phẩm nấm đông trùng hạ thảo do Đinh Hạnh sản xuất có tên thương mại “Đông trùng hạ thảo Nanola Ninh Thuận” đã được đăng ký nhãn hiệu, kiểm tra mẫu chất lượng. Sản phẩm được đóng gói bao bì, nhãn mác và có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm. Các sản phẩm được trưng bày tại địa chỉ 382 Thống Nhất, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Ngoài ra, thông qua kênh bán online, sản phẩm còn kết nối tới nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước. Không dừng lại ở đó, cô gái trẻ Đinh Hạnh còn ấp ủ ước mơ đưa sản phẩm của mình xuất khẩu đi các thị trường quốc tế



Chủ cơ sở sản xuất nấm đông trùng hạ thảo Đinh Hạnh đang kiểm tra sản phẩm

CƠ NGUYỄN
Trung tâm Khuyến nông Ninh Thuận

NÂNG TẦM THƯƠNG HIỆU GÀ ĐÔI HÒA BÌNH

Tỉnh Hòa Bình có 3 giống gà: Lạc Thủy, Lạc Sơn và Lương Sơn đã được cấp nhãn hiệu riêng. Đây chính là cơ hội để giới thiệu sản phẩm gà đặc sản, an toàn đến người tiêu dùng trong và ngoài tỉnh. Hiện các hợp tác xã (HTX) trên địa bàn 3 huyện đang tích cực phát triển thương hiệu gà đôi theo chuỗi liên kết, nâng cao giá trị và thu nhập cho người chăn nuôi.

Gà Lạc Thủy của tỉnh Hòa Bình là giống gà bản địa, chất lượng thịt thơm ngon, cho hiệu quả kinh tế cao, được người tiêu dùng ưa chuộng. Hiện nay huyện Lạc Thủy có tổng đàn gà 950.000 con; sản lượng ước đạt 1,8 triệu tấn. Có 16 trang trại, 235 gia trại chăn nuôi gà, 18 cơ sở ấp nở giống gà Lạc Thủy trên địa bàn các xã, thị trấn. Người chăn nuôi gà ở đây đã biết liên kết, hỗ trợ nhau từ khâu sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm, mang lại thu nhập ổn định cho người chăn nuôi, nâng cao giá trị sản xuất ngành nông nghiệp, góp phần phát triển kinh tế xã hội ở địa phương.

Nhằm giúp thương hiệu gà Lạc Thủy cạnh tranh cao hơn so với các loại gia cầm trên thị trường, HTX gà Lạc Thủy có địa chỉ tại xã An Bình áp dụng mô hình liên kết theo chuỗi giá trị, bán giống và thức ăn chăn nuôi cho các hộ vệ tinh. HTX hỗ trợ bao tiêu sản phẩm với gần 20 hộ tham gia vào chuỗi liên kết. Sản phẩm gà thịt của HTX đóng túi hút chân không đã có mặt tại các siêu thị ở Hà Nội, sản lượng là 30.000 con/tháng. Sản phẩm gà tươi nguyên con của HTX chăn nuôi gà Lạc Thủy được xếp hạng OCOP 4 sao cấp tỉnh.

Gà đôi Lạc Sơn cũng là giống gà bản địa của người Mường ở huyện Lạc Sơn. Gà có chất lượng thơm ngon, thịt dai, săn chắc, ngọt thịt, da thường có màu vàng. Đây chính là những đặc điểm khác biệt

tạo nên thương hiệu gà Lạc Sơn. Nhãn hiệu gà Lạc Sơn được cấp cho 5 HTX chăn nuôi trên địa bàn sử dụng. Hiện, HTX gà đôi Hương Nhung đang thể hiện vai trò là "bà đỡ" cho các thành viên, giúp các hộ chăn nuôi tăng nguồn thu nhập và vươn lên làm giàu. Từ khi thành lập, HTX với nghề chính là nuôi gà đôi, thành viên HTX và các hộ được tham gia nhiều lớp tập huấn kỹ thuật về chăm sóc gà do tỉnh, huyện tổ chức. Thời gian đầu, có 7 hộ nuôi gà đôi với khoảng 7.000 con, hộ nuôi nhiều 3.000 - 4.000 con/lúa, hộ nuôi ít từ 200 - 500 con/lúa. HTX luôn đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm chăn nuôi gắn với xây dựng thương hiệu; liên kết với các doanh nghiệp và các nhà hàng lớn bao tiêu sản phẩm đầu ra cho các hội viên. Hàng năm, HTX đã cung cấp cho thị trường hơn 40 tấn gà thịt. Đặc biệt, sản phẩm gà thịt đóng túi hút chân không của HTX được người tiêu dùng trong và ngoài tỉnh đón nhận, đánh giá cao. Năm 2019, sản phẩm gà đôi của HTX được lựa chọn là sản phẩm OCOP cấp huyện. Mục tiêu HTX hướng tới là sản xuất ra các sản phẩm theo chuỗi thực phẩm sạch, an toàn phục vụ người tiêu dùng và xây dựng thương hiệu gà đôi Hương Nhung, Lạc Sơn.

Có thể nói, thành công lớn nhất của những hộ nông dân nuôi gà Lạc Thủy, Lương Sơn và Lạc Sơn chính là sự ủng hộ, tin dùng của người tiêu dùng trên khắp mọi miền đối với sản phẩm của mình, không chỉ ở giá thành hợp lý, mà chính yếu là chất lượng sản phẩm. Bằng thực tế, gà Lạc Thủy đã được Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học Công nghệ cấp Bằng bảo hộ chứng nhận tại Quyết định số 19793/QĐ-SHTT ngày 19/3/2019.

Có thể nói, mô hình tổ chức chăn nuôi gà đôi liên kết theo chuỗi của các HTX tại Hòa Bình chứng minh được hướng đi đúng đắn của việc chuyển đổi cơ cấu vật nuôi phù hợp với điều kiện của địa phương. Từ đó, tạo ra sản phẩm chăn nuôi an toàn, hiệu quả, mở ra hướng phát triển kinh tế mới giúp người dân vươn lên thoát nghèo. Tuy mới triển khai nhưng mô hình tổ chức đã và đang mang lại hiệu quả, cần được nhân rộng trên địa bàn toàn tỉnh để dần chuyển đổi phương thức sản xuất nhỏ lẻ sang chăn nuôi gia cầm tập trung □

PHÒNG NN VÀ PTNT LẠC THỦY, HÒA BÌNH



Gà đôi Hòa Bình có chất lượng thơm ngon, ngọt thịt, da thường có màu vàng

Chị Nguyễn Thị Miện là tên quen thuộc gắn liền với các sản phẩm của Hợp tác xã thu mua và chế biến thủy hải sản Đình Miện Kỳ Phú. Chị là người phụ nữ giàu nghị lực, vượt lên hoàn cảnh khó khăn để làm giàu trên chính mảnh đất quê hương.

Sinh ra, lớn lên rồi lập gia đình ở vùng bãi ngang thôn Phú Hải, xã Kỳ Phú, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, cuộc sống của gia đình chị Miện cũng như nhiều người dân nơi đây chỉ dựa vào nghề đánh bắt và thu mua cá biển. Là người phụ nữ chịu thương chịu khó, ham học hỏi, nhạy bén trong công việc, chị vừa bán hàng vừa tìm hiểu thị trường và cách chế biến các sản phẩm ở những địa phương khác.

Năm 2007, chị đến Quảng Bình bán cá và thấy ở đó bày bán nhiều sản phẩm chế biến từ thủy sản. Nguồn nguyên liệu để làm ra các mặt hàng này tại Hà Tĩnh khá dồi dào, nhất là ở Kỳ Phú - nơi chị sinh sống. Chị dần hình thành ý tưởng xây dựng mô hình sản xuất nước mắm và một số sản phẩm khác tại quê nhà. Chị dồn hết vốn liếng có được và vay thêm vốn để đầu tư xây dựng nhà xưởng, mua sắm nông cụ chế biến nước mắm.

Lúc đầu, vừa làm, vừa học hỏi kinh nghiệm cộng với số vốn còn hạn chế, thị trường chưa được mở rộng, chị chỉ chế biến 20 - 30 tấn cá mỗi năm. Khi công việc thuận lợi, chị đã kêu gọi các hộ dân trong vùng thành lập Hợp tác xã (HTX) để cùng nhau chia sẻ kinh nghiệm cũng như phát triển kinh tế, tạo tiền đề mở rộng quy mô sản xuất. Với cương vị là người đứng đầu HTX, chị luôn năng động, sáng tạo tìm kiếm cơ hội để đưa HTX từng bước đi lên.

Đang trên đà phát triển và cũng là khi chị đang lên kế hoạch đầu tư với bao dự định để mở rộng cơ sở hạ tầng, quy mô thì sự cố môi trường biển đã xảy ra. "Như ngọn lửa đang cháy rực bùng một cơn dông ập đến dập tắt, sản phẩm làm ra không bán được, công trình dở dang, các thành viên HTX cũng



Chị Nguyễn Thị Miện tại gian hàng trưng bày sản phẩm OCOP của tỉnh Hà Tĩnh

không mặn mà để bám trụ, mọi dự định bỗng trở về số không, đã có lúc muốn từ bỏ hết mọi thứ".

Sau nhiều đêm trăn trở, chị quyết chí không thể buông tay dễ dàng, bằng mọi cách chị đã quyết tâm bám trụ và động viên bà con tiếp tục bám biển. Chị kể: "Lúc đó, mặc dù sản phẩm làm ra không bán được nhưng tôi vẫn thu mua nguyên liệu để động viên bà con không bỏ nghề, mặc dù số nguyên liệu thu mua phải đưa đi tiêu hủy". Mọi khó khăn rồi cũng qua. Sau sự cố môi trường biển năm đó, cơ sở sản xuất của chị từng bước được khôi phục, phát triển trở lại, dần khẳng định chỗ đứng trên thị trường.

Không chỉ sản xuất nước mắm theo cách truyền thống, chị còn mạnh dạn áp dụng công nghệ muối nước mắm bằng năng lượng mặt trời. Nhờ tuân thủ chặt chẽ quy trình chế biến công phu và tinh tế trong tất cả các công đoạn nên sản phẩm nước mắm do cơ sở chị sản xuất ngày càng khẳng định được vị thế. Với mong muốn đưa sản phẩm chất lượng tới mọi miền quê, chị đã quảng bá giới thiệu sản phẩm qua nhiều kênh thông tin, mạng xã hội cũng như luôn hàng hải tham gia các hội chợ thương mại trong và ngoài tỉnh.

Hiện nay, cơ sở sản xuất nước mắm mang thương hiệu Đình Miện chế biến 70 - 80 tấn cá, sản xuất hàng nghìn lít nước mắm mỗi năm. Năm 2019, nước mắm Đình Miện đã đạt tiêu chuẩn sản phẩm OCOP 3 sao. Thương hiệu đã và đang từng ngày ghi dấu ấn với người tiêu dùng, không ngừng phát triển ở khắp các thị trường trong và ngoài tỉnh. Nhận thấy nguồn nguyên liệu thủy sản còn rất dồi dào, chị Miện mạnh dạn đầu tư cơ sở chế biến cá khô, cá mồi rim lạc, rước,... và được nhiều người tin dùng. Hàng năm, chị bán ra thị trường hàng nghìn tấn các loại mặt hàng này.

Trải qua nhiều khó khăn nhưng với ý chí quyết tâm trong sản xuất kinh doanh, cơ sở sản xuất nước mắm của chị ngày một phát triển. Không những làm giàu cho bản thân, cơ sở của chị còn giải quyết việc làm cho nhiều lao động tại địa phương. Chị Miện là tấm gương tiêu biểu trong phong trào phụ nữ phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập cho gia đình, góp phần tạo sự phát triển bền vững cho các làng nghề chế biến nước mắm, từ đó thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển, từng bước xây dựng nông thôn mới.

NGUYỄN THỊ HOÀN
Trung tâm Khuyến nông Hà Tĩnh

TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN CÂY ĂN QUẢ Ở CHƯ SÊ - GIA LAI

Vùng đất Tây Nguyên nói chung và huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai nói riêng có điều kiện thuận lợi để phát triển các loại cây ăn quả có giá trị cao như: sầu riêng, bơ, mít, chuối và cây có múi... Định hướng quy hoạch của địa phương là khuyến khích đa dạng hóa sản phẩm trên các vườn cây công nghiệp nhằm gia tăng thu nhập trên một đơn vị diện tích, trong đó cây ăn quả được lựa chọn để phát triển và bước đầu đã mang lại hiệu quả cao.

Trong điều kiện biến đổi khí hậu và xâm nhập mặn hiện nay, vùng Đồng bằng sông Cửu Long có ảnh hưởng đáng kể về lợi thế của vùng trồng cây ăn quả trọng điểm và Tây Nguyên được xem là vùng thay thế tiềm năng. Thời gian qua, diện tích trồng cây ăn trái trên địa bàn huyện Chư Sê liên tục mở rộng, với nhiều loại cây khác nhau góp phần làm phong phú, đa dạng thị trường trái cây của tỉnh. Hiện nay, diện tích cây ăn quả của huyện Chư Sê hơn 1.600 ha gồm các loại sầu riêng, bơ, chuối, bưởi da xanh, mít... Riêng trong năm 2020, diện tích các cây trồng mới tăng mạnh như sầu riêng đạt 88 ha, bơ 88 ha, chuối 92 ha, bưởi da xanh đạt 12 ha, mít đạt 72 ha... Nhiều nông dân trong huyện đã mạnh dạn ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, qua đó giúp tăng hiệu quả kinh tế của vườn cây ăn quả và trở thành những triệu phú trên mảnh đất quê hương.

Trước đây, gia đình anh Nguyễn Văn Tâm ở thôn 6, xã Ia Blang chỉ trồng hồ tiêu và cà phê nhưng cây hay bị dịch bệnh, giá cả sản phẩm lại bấp bênh nên từ năm 2015 anh mạnh dạn chuyển đổi trồng xen 300 gốc bơ 034 trong vườn. Sau 5 năm triển khai, gia đình anh đã thu được quả ngọt, có được thu nhập ổn định. Vườn bơ của gia đình anh cho năng suất ổn định, bình quân

thu hoạch 15 tấn/vụ/năm. Với giá bán dao động từ 25.000 - 35.000 đồng/kg, sau khi trừ các khoản chi phí, lợi nhuận thu được 300 - 375 triệu đồng/năm.

Bắt đầu từ ý định trồng xen cây ăn quả vào vườn hồ tiêu, ông Nguyễn Quốc Anh ở làng Ser, xã Kông Htok đã trồng khoảng 200 gốc sầu riêng các giống Ri6, Mong Thoong Thái Lan. Đến nay vườn sầu riêng của ông có 70 cây 8 năm tuổi đã cho quả, năng suất ổn định khoảng 10 tấn/năm. Với giá bán bình quân 50.000 đồng/kg, mang lại tổng thu nhập 500 triệu đồng/năm, trừ chi phí sản xuất lợi nhuận thu được khoảng 350 - 400 triệu đồng/năm.

Ông Nguyễn Văn Tường tại làng Ring, xã HBông là một trong những hộ tiên phong trong xã trồng nhân với diện tích 6 ha, mật độ 500 cây/ha, năng suất 15 tấn/ha, sản lượng đạt 90 tấn/năm. Với giá bán tại vườn là 20.000 đồng/kg, doanh thu mỗi năm của ông đạt 1,8 tỷ đồng, lợi nhuận thu được là 1,2 tỷ đồng/năm.

Ngoài ra một số hộ gia đình xen canh cây ăn quả mang lại hiệu quả kinh tế cao như hộ ông Dương Công Lãm (thôn Phú Cường, xã Ia Pal), ông Nguyễn Xuân Tảo (làng Greo Sek, xã Dun), ông Nguyễn Phước Thiện (thôn 6, Ia Blang).

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình phát triển cây ăn quả ở địa phương vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Nguyên nhân là do chưa có quy hoạch phát triển rõ ràng, người dân chủ yếu là trồng tự phát nên quy mô sản xuất cây ăn quả manh mún, thiếu những vùng chuyên canh quy mô lớn, thiếu sự liên kết trong sản xuất; công tác đào tạo, hướng dẫn kỹ thuật còn hạn chế.

Trước thực trạng đó, huyện đã ban hành Nghị quyết về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, theo đó định hướng từ nay đến năm 2025, huyện phát triển cây có múi từ 300 - 500 ha bằng ứng dụng công nghệ cao, chủ yếu là cam, quýt, bưởi, sầu riêng. Hiện nay, một số doanh nghiệp đã bắt đầu đặt liên kết với nông dân, phối hợp với các xã để tuyên truyền, định hướng sản xuất, thu mua sản phẩm đáp ứng đủ tiêu chuẩn, từ đó ký kết những hợp đồng bao tiêu sản phẩm cụ thể, ràng buộc trách nhiệm trong sản xuất. Đây là những bước đi đầu để xây dựng và hình thành một vùng sản xuất cây ăn quả hàng hóa có chất lượng và bền vững

DIỄM THÚY

Trung tâm DVNN huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai



Làm giàu TỪ CÂY LÊ TẠI NUNG



Bà con nông dân tiến hành bọc quả lê

Tại Nung VH6 là giống lê Đài Loan, trồng khảo nghiệm tại Trại Nghiên cứu và Sản xuất rau quả Bắc Hà, thuộc Trung tâm Giống Nông nghiệp Lào Cai từ năm 2002, được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận là giống cây trồng mới năm 2012.

Cây lê VH6 được đưa vào trồng thí điểm đầu tiên tại xã Nậm Pung, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai từ năm 2009 với hy vọng giúp bà con địa phương khai thác tốt tiềm năng đất đai, nâng cao thu nhập. Là cây trồng mới nên lúc đầu người dân chưa mạnh dạn đầu tư trồng, mở rộng diện tích. Với sự quan tâm chỉ đạo của các ban ngành huyện Bát Xát, sự vào cuộc kịp thời của Đảng ủy, UBND xã Nậm Pung mô hình trồng giống lê VH6 dần phát triển, hàng năm trồng mới khoảng 20 ha. Tính đến hết năm 2020 diện tích lê VH6 đạt 101 ha, diện tích cho thu hoạch trên 32 ha.

Hiện cây lê VH6 trồng trên địa bàn xã Nậm Pung đều áp dụng theo tiêu chí sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao như: sử dụng giống đảm bảo tiêu chuẩn, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng; sử dụng

hệ thống phun thuốc bán tự động; áp dụng đốn tỉa, tủ gốc, bọc quả, vin cành, ... Đặc biệt, xã đã xây dựng được 01 ha mô hình sản xuất cây lê dùng giàn kiên cố để vin cành theo công nghệ của Đài Loan giúp cây lê sinh trưởng khỏe mạnh, đủ ánh sáng nên giảm sâu bệnh hại, thuận tiện chăm sóc, thu hoạch. Kết quả đã cho năng suất khá, đặc biệt mẫu mã quả đẹp, chất lượng cao nên có giá trị cao hơn 15 - 20% so với diện tích không được đầu tư thâm canh, việc tiêu thụ sản phẩm khá thuận lợi, thương lái đến tận vườn thu mua với giá từ 30.000 - 40.000 đồng/kg.



Bà con thực hiện chăm sóc vườn lê sử dụng dàn kiên cố để vin cành

Tính ra mỗi cây lê 5 - 7 năm tuổi có thể cho sản lượng 30 - 50 kg/cây, giá trị thu được khoảng 400 triệu đồng/ha, có cây cho thu hoạch 70 - 80 kg/cây, giá trị đạt được trên 2 triệu đồng/cây, cao hơn nhiều lần so với trồng ngô, lúa...

Qua 12 năm trồng, từ khi xây dựng mô hình cho thấy cây lê VH6 phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu, trình độ canh tác trên địa bàn xã Nậm Pung và một số xã khác của huyện Bát Xát. Từ các nguồn vốn của ngân sách địa phương, Chương trình mục tiêu quốc gia lồng ghép với vốn đối ứng của người dân đến hết năm 2020 toàn huyện Bát Xát đã xây dựng, phát triển được 215 ha lê VH6 tập trung trên địa bàn các xã Nậm Pung, Y Tý, Pa Cheo... với diện tích cho thu hoạch khoảng 124 ha sản lượng đạt 350 tấn/năm. Để vùng lê VH6 trên địa bàn xã Nậm Pung nói riêng và một số vùng của huyện Bát Xát nói chung trở thành vùng sản xuất hàng hoá cây ăn quả ôn đới, tích cực tuyên truyền, tiếp tục thực hiện các biện pháp thâm canh chăm sóc, vin cành, cắt tỉa, tạo tán, tỉa quả, bọc quả theo quy trình kỹ thuật đã hướng dẫn, xây dựng các mô hình ứng dụng công nghệ tưới nước tiết kiệm, cung cấp dinh dưỡng qua hệ thống tưới thông minh giúp tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, tăng thu nhập kinh tế hộ gia đình, góp phần xóa đói giảm nghèo bền vững tại địa phương □

NGỌC ĐIỆP

Trung tâm Khuyến nông & DVNN Lào Cai

HIỆU QUẢ MÔ HÌNH NUÔI ONG LẤY MẬT THEO VIETGAHP



Ông Nguyễn Lương Y cùng gia đình đang quay mật ong

Bắc Giang là tỉnh có diện tích đất tự nhiên phần lớn là rừng và cây ăn quả, trong đó chủ yếu là rừng tự nhiên có độ che phủ cao, hệ thực vật đa dạng, nguồn hoa phong phú và đây là tiềm năng rất lớn thuận lợi cho nghề nuôi ong lấy mật. Để góp phần nâng cao hiệu quả nghề nuôi ong lấy mật, năm 2020, Trung tâm Khuyến nông tỉnh Bắc Giang xây dựng mô hình nuôi ong nội lấy mật theo VietGAHP tại 2 huyện Lục Nam và Lục Ngạn.

Trung tâm Khuyến nông tỉnh đã lựa chọn 2 xã tại 2 huyện đáp ứng yêu cầu để triển khai mô hình. 08 hộ tham gia mô hình được hỗ trợ 105 đàn ong nội và 50% thức ăn.

Gia đình ông Nguyễn Lương Y ở thôn Bãi Đá, xã Bình Sơn, huyện Lục Nam có kinh nghiệm gần 20 năm nuôi ong lấy mật. Bình quân mỗi năm, ông nuôi gần 20 đàn ong, mỗi đàn thu được 10 - 16 lít mật, tổng cộng bán ra thị trường gần 300 lít mật. Năm 2020, gia đình ông được Trung tâm Khuyến nông tỉnh hỗ trợ 10 đàn ong nội có nguồn gốc giống từ Trung tâm Nghiên cứu ong và Nuôi ong nhiệt đới (Học viện Nông nghiệp Việt Nam). Sau 1 năm, ông nhận thấy đàn ong này đã giúp giảm tỷ lệ cận huyết do trước đó gia đình có thói quen tự nhân giống. Cũng vì điều này, bản thân ông còn vận động con cháu và các hộ dân xung quanh cùng nuôi ong lấy mật để mang lại sản lượng khá, tạo thị trường tiêu thụ được thuận lợi. Đến nay, gia đình ông đã phát triển được 37 đàn ong. Năm nay thời tiết thuận lợi, lượng hoa nhiều nên lượng mật khai thác được tương đối cao.

Gia đình ông Khuyến ở thôn Thần Đồng, xã Bình Sơn, huyện Lục Nam cũng được Trung tâm Khuyến nông tỉnh hỗ trợ 10 đàn ong. Hiện gia đình ông có tổng 40 đàn ong, mỗi năm bán ra thị trường khoảng 300 lít mật, mang lại nguồn thu nhập ổn định vài chục triệu đồng. Ông Khuyến đánh giá, đàn ong được hỗ trợ có chất lượng con giống tốt, con ong to hơn, khỏe hơn nên năng suất mật cao hơn đàn ong của gia đình đang nuôi. Theo ông Khuyến, nuôi ong không khó, vốn đầu tư không nhiều, năm đầu tiên phải bỏ chút vốn để làm thùng nuôi, những năm sau đó thì chỉ bỏ công. Tuy nhiên, nghề nuôi ong đòi hỏi phải tỉ mỉ, kiên trì, tâm huyết với nghề. Bên cạnh lợi ích về kinh tế thì nuôi ong mật giúp tăng năng suất cây trồng và tiết kiệm một khoản chi phí để áp dụng phương pháp thụ phấn khác cho cây trồng. Khi phát triển nuôi ong theo hướng VietGAP các vùng nguồn phấn và mật hoa sẽ hạn chế sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, ưu tiên các sản phẩm hữu cơ thân thiện và ít ảnh hưởng tới môi trường.

Tại xã Bình Sơn, huyện Lục Nam còn có 5 hộ gia đình khác được hỗ trợ 50 đàn ong. Đến nay đàn ong của các hộ đều khỏe mạnh và đã nhân đàn được gần 40 tổ. Theo kinh nghiệm của người dân nơi đây, chất lượng nguồn mật ong tùy thuộc vào thời gian khai thác mật. Mùa khai thác mật đạt hiệu quả cao nhất, chất lượng mật ngon nhất là vào khoảng tháng 3 đến tháng 5 âm lịch hàng năm, lúc đó hoa rừng nở rộ khắp nơi, đến tháng 11 có mật nhưng hơi đắng bởi ong hút mật nhiều loại hoa,

các tháng còn lại khai thác được ít hơn bởi vụ hè thu hoa rừng ít đi. Sản lượng khai thác mật tùy theo lượng đàn, ong khỏe khai thác được nhiều mật hơn, đàn yếu và đàn ong bị bệnh thì không có mật.

Hiện nay nghề nuôi ong ở xã Bình Sơn mới phát triển và sản phẩm mật ong được coi là một trong những đặc sản của địa phương. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra hiện nay là hình thức tiêu thụ sản phẩm chủ yếu là tự phát. Vì vậy, bà con mong muốn sẽ tạo ra được chuỗi sản xuất, liên kết để đưa sản phẩm mật ong địa phương thành một thương hiệu để mở rộng thị trường tiêu thụ.

Ông Nguyễn Đình Tuấn - Bí thư Đảng ủy xã Bình Sơn, huyện Lục Nam cho biết "Trung tâm Khuyến nông tỉnh hỗ trợ đàn ong về với Bình Sơn, chúng tôi cảm nhận được chất lượng đàn ong tốt hơn so với đàn ong bản địa từ chất lượng con giống đến sản lượng mật. Các hộ được tiếp cận dự án này đều có nguồn thu nhập cơ bản và nhân được giống trên địa bàn rất nhiều. Trong thời gian tới, địa phương mong muốn được tiếp cận thêm nhiều những mô hình khác do Trung tâm Khuyến nông Bắc Giang triển khai".

Chu kỳ dự kiến sẽ có thêm 200 - 250 đàn ong mới được nhân giống từ đàn ong của mô hình. Hiệu quả kinh tế từ mô hình giúp bà con thay đổi cách nghĩ trong sản xuất, đầu tư khoa học kỹ thuật, tạo thu nhập ổn định cho người lao động ở địa phương góp phần phát triển kinh tế xã hội bền vững □

HƯƠNG GIANG
Trung tâm Khuyến nông Bắc Giang



Trước những tác động ngày càng phức tạp và khó lường của biến đổi khí hậu ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất nông nghiệp đặt ra những thách thức cho con người trong việc tìm kiếm những biện pháp phát triển một nền nông nghiệp sinh thái bền vững. Tại Việt Nam, đã có nhiều nghiên cứu, ứng dụng các biện pháp sinh thái trong nông nghiệp để sản xuất bền vững như: sử dụng cỏ dại để thu hút thiên địch trong quản lý dịch hại trên cây trồng hay biện pháp sử dụng các loại cỏ dại che phủ để ngăn chặn tiến trình xói mòn, thoái hóa đất,... Đây là những biện pháp vừa phục vụ sản xuất bền vững vừa thích ứng biến đổi khí hậu vì một số loại cỏ dại có thể dùng làm nguồn phân xanh, cung cấp chất dinh dưỡng và vật chất hữu cơ làm cải thiện cấu trúc đất, phục hồi một số vùng đất bạc màu vừa có khả năng bảo vệ đất trồng trước những tác động bất lợi của tự nhiên như xói mòn, khô hạn,...

Một số chương trình đã ứng dụng giải pháp sinh thái thành công thực hiện thời gian qua:

Chương trình “Ruộng lúa bờ hoa”

Đây là chương trình ứng dụng công nghệ sinh thái vào sản xuất đã được nông dân rất ủng hộ đặc biệt là vùng Đồng bằng sông Cửu

Long. Mô hình do Viện Nghiên cứu Lúa quốc tế (IRRI) triển khai thí điểm đầu tiên ở huyện Cai Lậy và Cái Bè (Tiền Giang) từ vụ đông xuân 2009 - 2010 với tên gọi chương trình “Quản lý dịch hại tổng hợp trên lúa bằng công nghệ sinh thái”. Nông dân trong vùng được hướng dẫn trồng nhiều loại hoa trên các bờ đê, đường đi quanh khu vực canh tác lúa. Kết quả, tính trên mỗi ha tiết kiệm được đến 500 nghìn đồng tiền thuốc bảo vệ thực vật và công phun. Sau Tiền Giang, An Giang là tỉnh tiếp tục thực hiện trong ba vụ liên tiếp kết hợp với áp dụng biện pháp “1 phải 5 giảm” và quy trình GlobalGAP đã cho thấy: ruộng lúa gần như không phải phun thuốc trừ sâu, rầy mà vẫn đạt năng suất hơn 6 tấn/ha ở vụ hè thu và thu đông, còn vụ đông xuân lên đến hơn 7 tấn/ha, tăng gần một tấn/ha so canh tác bình thường. Hiện tại mô hình vẫn đang được áp dụng rộng rãi trên toàn vùng khi vừa góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất lúa vừa làm đẹp cảnh quan môi trường góp phần vào công cuộc xây dựng nông thôn mới tại các địa phương.

Trồng cỏ dại che phủ đất

Nhóm các nhà khoa học thuộc Viện Khoa học kỹ thuật Nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc đã

nghiên cứu áp dụng các biện pháp trồng và quản lý cỏ dại để che phủ đất phục vụ phát triển nông nghiệp vùng cao. Kết quả cho thấy, ở các khu vực có che phủ mức độ xói mòn đất giảm từ 73 đến 94% so với các khu vực không che phủ. Với các vườn cây ăn trái, việc trồng xen cỏ dại vừa ngăn chặn xói mòn đất vừa sản xuất thêm thức ăn cho gia súc. Việc che phủ đất làm giảm nhiệt độ mặt đất từ 3 đến 7 độ C vào lúc 15 giờ hàng ngày, giảm lượng nước bốc hơi. Chỉ sau một vụ áp dụng, che phủ đất đã làm tăng hàm lượng các chất hữu cơ, đặc biệt là lân và kali để tiêu tạo điều kiện cho cây phát triển tốt hơn. Đến nay, diện tích áp dụng các biện pháp che phủ đất bằng cỏ dại đã đạt hơn 1.000 ha với sự tham gia của trên 2.000 hộ dân ở các tỉnh Bắc Kạn, Hà Giang, Sơn La, Lai Châu, Nghệ An, Điện Biên...

Ngoài ra, nhiều hộ dân ở Tây Nguyên áp dụng phương pháp trồng xen cỏ đậu Stylo và cỏ Ruzi với cà phê giảm được hai lần tưới nước trong mùa khô. Ở miền Nam, trồng cỏ đậu phộng dại hoặc một số loại cỏ thu hút thiên địch để che phủ đất đã được ứng dụng thử nghiệm vào vườn hồ tiêu, xoài ở Đồng Nai, điều (Bình Phước, Kon Tum, Đắk Lắk), thanh long (Bình Thuận), bước đầu cho kết quả tốt. Tóm lại, thuật ngữ “phòng trừ cỏ dại” đã được sử dụng trong một thời gian rất dài cho thấy cái nhìn không mấy thiện cảm của chúng ta đối với đối tượng này, thậm chí chúng còn được xem là một loại dịch hại cần phải tiêu diệt. Tuy nhiên với việc hướng đến một nền nông nghiệp sinh thái, phát triển bền vững chúng ta cần hướng đến việc trồng và quản lý cỏ dại thật hiệu quả vì lợi ích chúng mang lại không hề nhỏ. Cỏ dại có lợi hay có hại cần xem xét tùy thuộc vào chủng loại và số lượng cũng như phải có cách sử dụng và biện pháp quản lý hiệu quả phù hợp với điều kiện canh tác thì cỏ dại sẽ phát huy tác dụng, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái và đảm bảo đa dạng sinh học trong tự nhiên. □

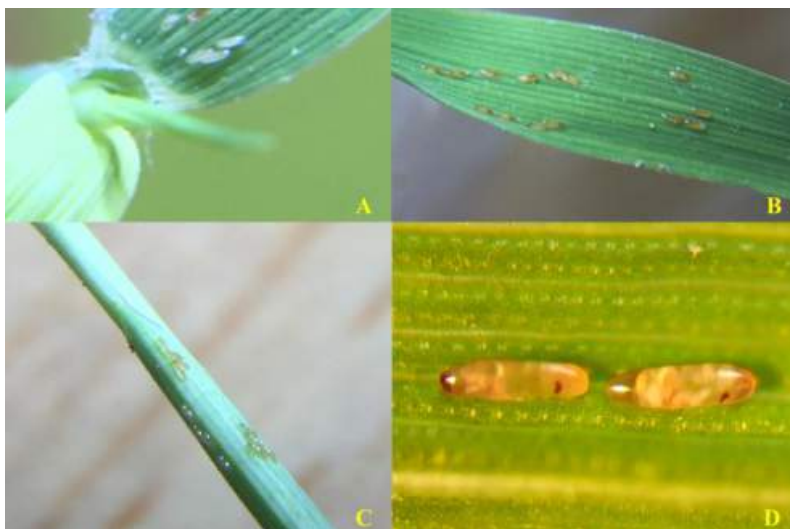
MỸ LỘC

Trung tâm Dịch vụ KTNN Vĩnh Long

QUY TRÌNH QUẢN LÝ TỔNG HỢP SÂU NẶN HẠI LÚA VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Triệu chứng gây hại của sâu năn

Cây lúa bị sâu năn gây hại ở giai đoạn sớm có thể được nhận biết khi bụi lúa thường có biểu hiện mất đọt non và dễ chồi (dảnh) nhiều bất thường. Sâu năn có thể gây hại trên lúa từ giai đoạn mạ đến giai đoạn dễ chồi (dảnh) tối đa. Khi cây lúa bị nhiễm sâu năn ở giai đoạn sớm với ấu trùng sâu năn mới xâm nhập và gây hại bên trong đỉnh sinh trưởng cây lúa gây ra triệu chứng cây lúa bị lùn, sản sinh nhiều dảnh và các dảnh lúa bị hại thường không có đọt non. Khi ấu trùng sâu năn phát triển sang tuổi 2 và tuổi 3, cây lúa bị hại bắt đầu xuất hiện lá ngọn hình ống hành màu trắng ngà hướng ra ngoài. Đến giai đoạn nhộng của sâu năn, cây lúa bị hại có thể dễ dàng quan sát qua triệu chứng ống hành vươn dài lên trên và đến khi sâu năn trưởng thành có thể vũ hoá ra ngoài, nhộng bên trong ống hành di chuyển lên phía trên và đục một lỗ thủng ngay gần đỉnh của "ống hành" để chui ra ngoài và thường có thể quan sát thấy phần vỏ của nhộng sâu năn bên ngoài lỗ đục.



Trứng sâu năn mặt lá và chân lúa

Quy trình quản lý tổng hợp sâu năn (muỗi hành) hại lúa vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cụ thể như sau:

1. Biện pháp canh tác

* Thời vụ:

- Xưởng giống đúng lịch thời vụ, đặc biệt trong vụ đông xuân và vụ thu đông, không xưởng giống muộn hơn so với khuyến cáo của địa phương.

- Vùng chuyên canh lúa nên có thời gian cách ly thời vụ khoảng 2 - 4 tuần.

* Vệ sinh đồng ruộng và làm đất:

- Làm sạch cỏ dại trên bờ, xung quanh bờ ruộng và trong ruộng, hạn chế nơi trú ẩn của sâu năn.

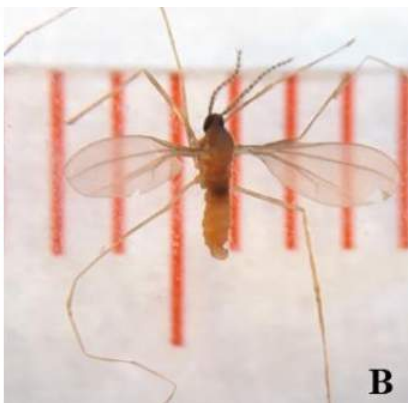
- Cày đất, phơi ải và làm đất kỹ, san ruộng bằng phẳng trước khi gieo sạ.

* Giống lúa:

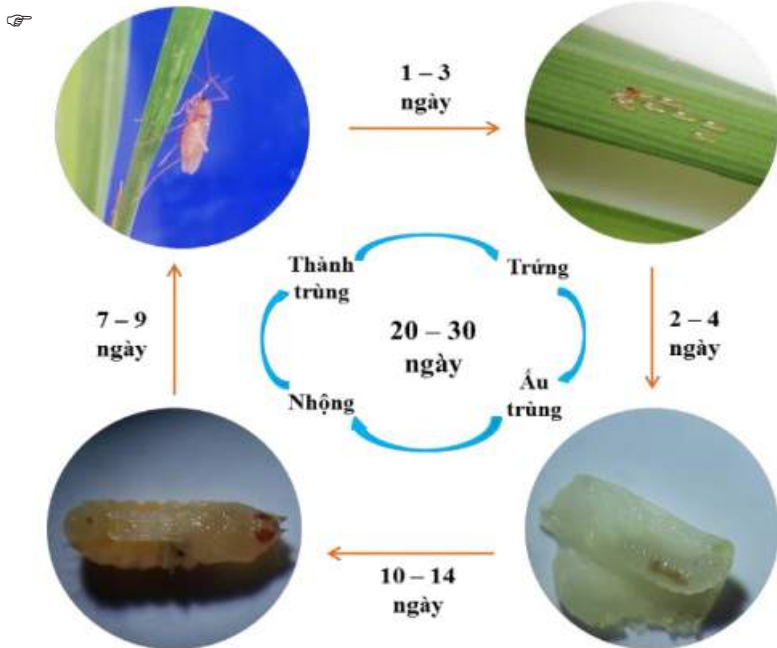
- Sử dụng giống lúa có khả năng chống chịu với sâu năn (OM9582, OM3673, OM11735, OM10424) và thích hợp với điều kiện canh tác của địa phương.

Lưu ý theo dõi đồng ruộng để quản lý kịp thời khi gieo sạ các giống nhiễm sâu năn trong vùng có dịch hại (Nàng Hoa 9, Đài Thơm 8, ĐS1, VD20, Jasmine 85, OM4218, OM9921, OM406, OM2517, OM7347).

- Lượng giống gieo sạ: 80 - 100 kg/ha. Khi áp dụng cây lúa bằng máy sẽ hạn chế sâu năn so với gieo sạ.



Thanh trùng sâu năn cái (A) và đực (B)



Vòng đời sâu năn vùng Đồng bằng sông Cửu Long

2. Dự báo

Sử dụng bẫy đèn và bẫy thau màu xanh da trời (đường kính 20 cm) để dự báo sớm sự xuất hiện của thành trùng sâu năn trên ruộng, nếu phát hiện mật độ > 3 con/bẫy, đặc biệt trong giai đoạn từ 15 - 40 ngày sau gieo sạ nên tiến hành áp dụng biện pháp phòng trừ sâu năn bằng chế phẩm sinh học.

3. Biện pháp sinh học

- Biện pháp bảo vệ thiên địch tự nhiên của sâu năn: áp dụng công nghệ sinh thái thông qua việc trồng các loài hoa, cây màu phổ biến ở địa phương như hoa sao nhái (*Cosmos sulphureus*), đậu xanh (*Vigna radiata*) trên bờ ruộng trước khi xuống giống từ 2 - 4 tuần nhằm gia tăng khả năng quản lý sâu năn gây hại của thiên địch tự nhiên, đặc biệt là ong ký sinh nhộng (*Neanastatus* sp.).

- Biện pháp xử lý chế phẩm sinh học: Phun chế phẩm sinh học 3M (*Metarhizium flavoviride*, *M. anisopliae* và *M. minus*) khi có thành trùng cái vào bẫy thau màu xanh, mật độ > 3 con/bẫy hoặc xuất hiện trên ruộng với mật độ từ 5 - 10 con/m², phun 3 lần/vụ cách nhau 5 - 10 ngày.

4. Biện pháp hóa học

- Chỉ nên sử dụng trong các trường hợp gieo sạ giống nhiễm nặng, khi mật độ thành trùng cái xuất hiện > 10 con/m² ở giai đoạn 40 ngày sau sạ, một số

hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật có thể sử dụng phòng trừ sâu năn như Chlorantraniliprole và Triflumezopyrim. Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật cần tuân thủ theo nguyên tắc 4 đúng, với nồng độ và liều lượng theo khuyến cáo trên bao bì của nhà sản xuất.

- Trong trường hợp ghi nhận triệu chứng sâu năn gây hại trên ruộng với tỷ lệ < 30% ở giai đoạn đẻ nhánh và không có sự phát triển mật số thành trùng sâu năn trên ruộng, không cần xử lý thuốc bảo vệ thực vật hóa học, cần tiếp tục chăm sóc, bổ sung lân và kali để bảo vệ năng suất.

Thuốc bảo vệ thực vật có chứa các hoạt chất Chlorantraniliprole, Triflumezopyrim và thuốc sinh học 3M chứa nấm xanh *Metarhizium flavoviride*, *M. anisopliae* và *M. minus* chỉ được khuyến cáo sử dụng sau khi được đăng ký vào Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam để phòng chống sâu năn hại lúa. □

CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT



(A). Bẫy đèn đơn giản, tự động bật-tắt, được cắm trực tiếp trên ruộng lúa, sử dụng tấm pin năng lượng mặt trời (35x40 cm; 20W, 6V), đèn LED trắng-xanh (50 - 100W).

(B). Bẫy thau màu xanh da trời (đường kính 20 cm) chứa một lớp nước mỏng, được thay định kỳ vào mỗi buổi sáng.

QUY TRÌNH KỸ THUẬT QUẢN LÝ TỔNG HỢP BỆNH GREENING, BỆNH VÀNG LÁ THỐI RỄ VÀ BỆNH TRISTEZA HẠI CÂY CÓ MÚI

I. Nguyên nhân, triệu chứng

1. Bệnh Greening (bệnh vàng lá gân xanh)

a. Nguyên nhân

Do vi khuẩn Gram âm (*Liberibacter asiaticum*) sống trong mạch dẫn của cây và do rầy chổng cánh (*Diaphorina citri*) là môi giới lây truyền bệnh. Ngoài ra, bệnh còn được lan truyền qua hình thức nhân giống vô tính (mắt ghép, chiết) hoặc dụng cụ ghép, cắt tỉa.

b. Triệu chứng

Lá có màu vàng, ven gân lá còn giữ màu xanh lục, gân nổi, phiến lá hẹp, khoảng cách giữa các lá ngắn lại. Trên lá già: lá dày nhám, gân lồi sần sùi và có màu nâu đen, rễ bị thối đặc biệt là rễ tơ, vì vậy khả năng hấp thụ dinh dưỡng và nước rất kém; hoa thường ra trái mùa, ít hoa và rụng nhiều; quả ít và có kích thước nhỏ hơn bình thường, bị biến dạng, khi bổ dọc thì tâm quả lệch hẳn sang một bên, hạt trong quả bị bệnh thường bị thối, có màu nâu.

c. Phân biệt cây bị bệnh Greening với cây bị thiếu kẽm

Cây bị bệnh Greening thường biểu hiện triệu chứng ở những cây phía ngoài vườn nhiều hơn ở trong; trên một cây có cành nặng, cành nhẹ và có cành không bị bệnh. Trên quả thì biểu hiện triệu chứng đầu tiên là quả bị méo mó biến dạng, khi bổ ra sẽ thấy tâm lệch qua một bên và hạt bị thối.

Cây thiếu kẽm có thể biểu hiện trên tất cả các cây hay ở một hướng hoặc một thửa nào đó trong vườn, triệu chứng giống nhau, không có cành bị nặng hay nhẹ. Mức độ diễn biến rất chậm, có thể kéo dài trong nhiều năm sau cây mới chết, tùy theo điều kiện chăm sóc.



Cây lá bị bệnh Greening

2. Bệnh vàng lá thối rễ

a. Nguyên nhân

Bệnh vàng lá thối rễ do tổ hợp một số tác nhân, trong đó nấm *Fusarium solani* là nguyên nhân chính gây hiện tượng thối rễ. Bệnh sẽ nghiêm trọng hơn khi xuất hiện cả nấm *Phytophthora sp.*, tuyến trùng, ... do tạo ra các vết thương giúp nấm gây bệnh xâm nhập nhanh hơn; rệp sáp hại rễ cũng có thể gây vàng lá nếu mật số cao.

b. Triệu chứng

Khi bệnh mới xuất hiện, lá vẫn bình thường nhưng gân lá có màu vàng nhạt, phiến lá ngả màu vàng cam dẫn đến rụng lá. Khi cây bị bệnh nặng, toàn bộ lá biến vàng và rụng. Chất lượng quả bị kém và rụng sớm. Bệnh nặng có thể làm chết cả cây; nhánh cây bị bệnh hướng nào thì rễ cũng thường bị thối ở hướng đó. Rễ bị thối lan dần từ rễ nhỏ vào trong rễ lớn. Rễ bị thối có màu nâu, vỏ rễ tuột ra khỏi phần gỗ bên trong có sọc nâu lan dần vào rễ cái. Rễ mất khả năng hấp thụ nước và dinh dưỡng nuôi cây, từ đó làm cành bị chết khô. Khi bị nặng, tất cả rễ đều bị thối đen và chết cây.

3. Bệnh Tristeza (bệnh tàn lụi)

a. Nguyên nhân

Bệnh Tristeza do loài virus thuộc nhóm Closterovirus gây hại. Môi giới truyền bệnh là các loài rệp muội (*Toxoptera citricidus*, *Aphis gossypii*). Virus không truyền qua vết thương cơ giới (cắt, tỉa) hay qua hạt giống nhưng truyền qua việc nhân giống vô tính như chiết cành, ghép chồi.

b. Triệu chứng

Bệnh xuất hiện trên cây có múi rất đa dạng, tùy thuộc vào cây ký chủ, giống, dòng virus nhiễm mà có biểu hiện khác nhau, một số triệu chứng đặc trưng như:

- Dòng độc nhẹ: Không gây ảnh hưởng mấy đến năng suất, chỉ làm gân trong, hoặc lõm thân nhẹ trên thân.

- Dòng gây vàng, lùn, lõm thân và chết cây trên cam và chanh.

- Dòng làm cây bị lùn, lõm thân trên cây bưởi, bệnh làm giảm năng suất và kích thước quả, cành giòn và dễ gãy.

- Dòng gây vàng đáy quả trên quýt đường: Cây vẫn sinh trưởng và xanh tốt, tuy nhiên khi quả đạt kích thước cỡ quả bóng bàn thì bị vàng từ phần đáy lên cuống và làm quả rụng hàng loạt (có thể rụng đến 50% số quả trên cây), làm nhà vườn thất thu nặng.

Bệnh thường nhiễm vào mùa nắng nhưng sang mùa mưa bệnh mới thể hiện triệu chứng nặng.



Cây cam bị vàng lá thối rữa

II. Biện pháp phòng, chống bệnh

1. Biện pháp phòng bệnh

a. Kiểm soát nguồn giống

Hướng dẫn, khuyến cáo người dân nên sử dụng giống sạch bệnh, không sử dụng vật liệu cây có múi ở vùng đã bị nhiễm bệnh làm giống.

b. Sử dụng giống sạch bệnh

Những vườn trồng mới sử dụng giống cây có múi khỏe và sạch bệnh Greening, Tristeza; không dùng cây giống từ các vườn bị nhiễm bệnh làm giống.

c. Biện pháp canh tác

- Đất trồng: Xử lý hố trước khi trồng bằng vôi bột, bón lót bằng phân hữu cơ và chế phẩm sinh học trước khi trồng

- Bón phân: Bón phân trung vi lượng kết hợp phun phân bón lá giúp cây phát triển ngọn, thân cành khỏe, chống chịu sâu bệnh.

- Tạo tán, tỉa cành để vườn thông thoáng, tránh giao tán; bón phân cân đối và vừa đủ, không quá nhiều phân đạm để cây ra lộc non tập trung.

- Thường xuyên thăm vườn để phát hiện kịp thời cây bị bệnh; tiêu hủy cây bị bệnh nặng không có khả năng phục hồi, sau đó xử lý bằng vôi bột hoặc các chế phẩm sinh học.

- Những khu vực trồng cây có múi bị bệnh nặng nên luân canh trồng cây trồng khác từ 2-3 năm.

d. Sử dụng bẫy

Sử dụng bẫy dính màu vàng diệt côn trùng môi giới truyền bệnh, thời điểm đặt bẫy là khi trưởng thành rầy

chống cánh, rệp xuất hiện và thường trùng với thời điểm ra lộc của cây có múi. Khoảng cách 10 – 20 m/bẫy và thay bẫy 7 ngày/lần.

đ. Biện pháp sinh học

Nuôi, thả kiến vàng *Oecophylla smaragdina* trên vườn cây có múi để hạn chế rầy chống cánh, rệp muội là môi giới truyền bệnh Greening,

Tristeza.

2. Biện pháp xử lý vườn bị bệnh

a. Quản lý nguồn bệnh và tiêu hủy, khử trùng

- Hạn chế ra vào vườn bị bệnh; khử trùng giày dép, bánh xe, công cụ canh tác để ngăn ngừa lây lan nguồn bệnh ra ngoài.

- Không vận chuyển, buôn bán và sử dụng cây con ở vườn đã bị bệnh.

- Những cây bị bệnh Greening, Tristeza thì nhổ bỏ và đem tiêu hủy tránh lây lan sang cây chưa bị bệnh.

- Kiểm tra phát hiện những cây bị bệnh vàng lá thối rữa nặng không có khả năng cho năng suất tiến hành chặt bỏ và thu gom toàn bộ cây, bộ phận cây bị bệnh đem tiêu hủy; rắc vôi bột vào hố gốc đã đào để khử trùng đất.

b. Biện pháp canh tác

Sau khi thu hoạch hoặc tiêu hủy vườn cây có múi bị bệnh cần trồng giống sạch bệnh hoặc luân canh với cây trồng khác từ 2-3 năm.

c. Biện pháp hóa học

Sử dụng thuốc có trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng ở Việt Nam có hoạt chất Abamectin, Rotenone, Spinosad,... để trừ môi giới truyền bệnh. Phun vào thời điểm cây ra đợt non vào mùa xuân hay đầu mùa mưa (rầy thường chọn các đợt non để đẻ trứng). Liều lượng, nồng độ và phương pháp sử dụng theo hướng dẫn của nhà sản xuất ghi trên bao bì sản phẩm □

CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT

Những ngày qua thời tiết khí hậu có biến đổi bất thường, thường xuất hiện các đợt nắng nóng kéo dài từ 7 - 10 ngày, nhiệt độ từ 37 – 39 độ C, có nơi trên 40 độ C. Sau những đợt nắng nóng thường xuất hiện mưa, giông bão, thời tiết biến đổi rất khó lường. Với thời tiết này đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến sức khỏe đàn gia súc gia cầm, nguy cơ bùng phát dịch bệnh là rất cao. Để chủ động phòng chống dịch bệnh và nâng cao sức khỏe cho đàn vật nuôi, người chăn nuôi cần thực hiện tốt một số giải pháp kỹ thuật như sau:

1. Nhập giống và vận chuyển gia súc, gia cầm

Tốt nhất nhập giống ở những cơ sở sản xuất giống có uy tín, đủ điều kiện, không nhập ở những nơi đang có dịch bệnh. Cần kiểm tra kỹ chất lượng giống cũng như việc chăm thực hiện tốt quy trình kiểm dịch vận chuyển theo quy định. Khi vận chuyển gia súc, gia cầm trong những ngày nắng nóng nên thực hiện vào buổi sáng sớm hoặc chiều mát. Nếu vận chuyển đường dài chú ý cho gia súc, gia cầm nghỉ ngơi hợp lý. Vào các thời điểm buổi trưa, nên để gia súc, gia cầm ở nơi mát, bổ sung thức ăn, nước uống cũng như kiểm tra sức khỏe con vật trong quá trình vận chuyển. Nên giảm mật độ nhốt gia súc, gia cầm trên phương tiện vận chuyển, đồng thời che chắn làm mát cho gia súc, gia cầm ngay trên phương tiện vận chuyển như để cành cây nhiều lá trên xe, có đệm lót tốt, có bạt che ánh nắng mặt trời xung quanh phương tiện...

2. Chuồng trại và hệ thống làm mát

Hàng ngày phải vệ sinh sạch sẽ khu vực chuồng nuôi, khu chăn thả, sân vận động với trâu, bò. Khơi thông cống rãnh, phát quang bụi rậm để tránh ruồi, muỗi, côn trùng; không để nước đọng và định kỳ phun thuốc sát trùng để hạn chế, ngăn chặn mầm bệnh. Chủ động che chắn chuồng trại để đảm bảo có độ phủ mát tốt.

GIẢI PHÁP KỸ THUẬT CHĂN NUÔI

GIA SÚC, GIA CẦM TRONG MÙA NẮNG NÓNG

Thường xuyên kiểm tra hệ thống làm mát trong chuồng nuôi gia súc, gia cầm. Kịp thời cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, đảm bảo cho các hệ thống làm mát sử dụng tốt. Với các trại chăn nuôi có chuồng kín cần kiểm tra và thực hiện nghiêm việc trực kỹ thuật, để phòng mất điện hoặc các hệ thống làm mát trong chuồng nuôi bị trục trặc, lỗi kỹ thuật, không đảm bảo vận hành. Nên lắp đặt các hệ thống báo động tự động để kịp thời giải quyết, khắc phục các sự cố về kỹ thuật xảy ra. Với chuồng nuôi bò sữa, cần có hệ thống làm mát cả trong chuồng và trên mái. Đảm bảo vận hành tốt hệ thống chống nóng tự động trong chuồng nuôi cũng như trên mái. Thường xuyên kiểm tra nguồn nước làm mát, hệ thống quạt điện để bò sữa luôn được mát.

3. Chế độ dinh dưỡng cho gia súc, gia cầm

Những ngày nắng nóng, con vật thường có nhiều biến đổi trong quá trình hấp thụ, trao đổi chất, việc ăn uống của con vật có nhiều thay đổi không bình thường vì vậy cần tăng cường chế độ dinh dưỡng và bổ sung các loại khoáng (Premix khoáng, Vitamin) để nâng cao sức đề kháng cho con vật. Đảm bảo nghiêm ngặt chế độ nước uống đủ và sạch cho gia súc,

gia cầm. Những ngày nắng nóng nhu cầu nước trong cơ thể con vật là rất lớn nên tốt nhất là lắp đặt hệ thống nước uống tự động cho con vật trong chuồng nuôi. Hàng ngày kiểm tra thường xuyên lượng nước cung cấp và vệ sinh nguồn nước. Với trâu, bò, bò sữa cần tăng cường các loại thức ăn thô xanh, một số thức ăn ủ chua đảm bảo cho con vật đủ no và tăng cường quá trình trao đổi chất thông qua tập tính nhai lại ở trâu bò.

4. Mật độ nuôi

Những ngày nắng nóng cần giảm mật độ nuôi nhốt trong chuồng nuôi đối với gia súc, gia cầm để tạo sự thông thoáng và cân bằng dưỡng khí trong chuồng nuôi. Trong chăn nuôi gia cầm, điều này rất quan trọng nhằm hạn chế dịch bệnh và các bệnh về hô hấp (mật độ trung bình chăn nuôi gà thịt tốt nhất là 6 - 8 con/m², với trâu bò đảm bảo 4 - 6 m²/con). Khi vận chuyển gia súc, gia cầm cũng lưu ý giảm mật độ trên xe so với ngày bình thường để tạo độ thông thoáng trên phương tiện vận chuyển.

5. Tiêm phòng và xử lý gia súc, gia cầm có biểu hiện không bình thường

Cần kiểm tra việc tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm. Trường

hợp đến kỳ tiêm phòng phải tiêm phòng ngay để chủ động tạo miễn dịch cho đàn gia súc, gia cầm. Cần chú ý kiểm tra đàn gia súc, gia cầm khoẻ mạnh mới tiêm phòng. Thời điểm tiêm phòng tốt nhất là vào sáng sớm và chiếu mát để đảm bảo chất lượng vắc - xin, tránh phản ứng, tạo miễn dịch tốt cho con vật sau khi tiêm phòng. Những ngày nắng nóng, cần tăng cường việc kiểm tra theo dõi đàn gia súc, gia cầm.

Trường hợp thấy gia súc, gia cầm có những biểu hiện không bình thường cần tách đàn nhốt riêng để kiểm tra, theo dõi và điều trị. Nếu số lượng nhỏ (một vài con) và không thấy biểu hiện lây lan thì áp dụng việc cho uống thuốc trợ sức, trợ lực, tạo sự thoáng mát cho con vật. Khi con vật khoẻ mạnh, trở lại bình thường thì cho nhập đàn. Trường hợp thấy gia súc, gia cầm có biểu hiện triệu chứng nặng (khó thở, ho, sốt, ủ rũ, đi lại không bình thường...), có biểu hiện lây lan, cần báo ngay cán bộ thú y cơ sở để có biện pháp can thiệp kịp thời □

TS. NGUYỄN THỊ HẢI
Trung tâm Khuyến nông Quốc gia



KỸ THUẬT NUÔI CUA ĐỒNG TRONG AO



1. Chuẩn bị ao nuôi

- Diện tích ao nuôi: Khoảng 300 - 5.000 m², sâu 0,8 - 1,2 m, có cống cấp và thoát nước riêng.

- Ao ít bị nhiễm phèn, đáy ao tốt nhất là đất thịt, có lớp bùn dày < 20cm, pH từ 7,5 - 8,2.

- Đào mương sâu 0,5 - 0,7 m từ cống này đến cống bên kia. Mương có độ dốc xuôi từ cống cấp đến cống tiêu nước. Trong ao tạo nhiều gờ nổi diện tích mỗi gờ từ 10 - 100 m² tùy diện tích ao.

- Tháo cạn nước và bón vôi với lượng bón khoảng 6kg/100 m². Phơi nắng 5 - 10 ngày đến khi nứt nẻ. Tiến hành thả chà và lấy nước qua lưới lọc vào ao, mức nước là 0,6 - 0,8m. Chà được làm bằng các loại cành cây được phơi khô và bó lại thành bó.

- Gây màu nước bằng phân urê: 2kg/1.000 m², NPK (20:20:0): 2kg/1.000 m². Ngoài ra, có thể dùng phân gà hoai mục để bón cho ao. Phân được hòa tan với nước ngọt, tạt xuống ao vào lúc 9 - 10 h sáng.

- Làm đặng chắn quanh bờ không cho cua vượt bờ ra ngoài,

có thể dùng lưới ruồi bao quanh, đặng tre,... Đặng, lưới chắn phải nghiêng về phía trong ao một góc 45°, đặng phải cao từ 0,8 - 1 m.

- Nguồn nước phải được chủ động, không bị ô nhiễm.

- Có cống cấp và cống thoát nước riêng biệt.

- Xung quanh bờ phải rào bằng tre, tấm nhựa hoặc lưới cước đặt nghiêng về phía ao không cho cua thoát ra ngoài.

2. Cải tạo ao, ruộng nuôi

Trước khi nuôi 1 - 2 tuần, tiến hành tát cạn nước để diệt hết địch hại và tiêu diệt mầm bệnh, bằng cách bón vôi 7 - 10 kg/100 m², phơi nắng 3 - 5 ngày sau đó cấp nước vào ao. Đối với ruộng thì cấp nước vào nhưng không cho nước tràn lên ruộng, chỉ khi nào đến thời kỳ lúa sắp làm đồng mới cấp nước lên ruộng cho cua lên ruộng tìm thức ăn.

- Tiến hành gây màu nước cho ao bằng phân chuồng hoặc phân hóa học hoặc chế phẩm sinh học để tạo nguồn động vật phù du phát triển làm thức ăn cho cua giống mới thả.

- Trong ao, ruộng nuôi nên chất chà làm nơi trú ngụ cho cua lúc cua lột xác tránh bị hao hụt, có thể thả thêm bèo, rau muống, rau dừa nước... để che phủ ao vào những ngày nắng gắt. Độ che phủ khoảng 1/3 diện tích mặt ao.

3. Chọn và thả giống

- Thời vụ thả giống thường từ tháng 2 - 4 hàng năm.

- Chọn con giống khỏe mạnh, không bị bệnh tật, đầy đủ càng và chân, màu sắc tươi sáng không bị đóng rong. Có thể chọn cua đực để nuôi góp phần tăng năng suất và giá trị thương phẩm.

- Mật độ: nuôi ao: 10 - 15 con/m², ruộng: 5 - 7 con/m².

- Không nên thả cua trực tiếp xuống ao mà phải thả từ mé bờ ao cho cua tự bò xuống ao, ruộng tránh hiện tượng cua bị sốc môi trường.

4. Thức ăn cho cua

a. Thức ăn

Cua là động vật ăn tạp thiên về thức ăn động vật. Chúng thích ăn thịt các loại nhuyễn thể như trai, ốc, hến, cá tạp. Nếu thiếu thức ăn chúng sẽ ăn thịt lẫn nhau, nhất là cua mới lột vỏ. Thức ăn nuôi cua thường được khai thác tại chỗ. Trước khi thả giống, nên bón lót phân ở ven mương với lượng 300 - 450 kg/1.000 m² để động vật phù du phát triển làm thức ăn cho cua con. Từ tháng thứ 4 nên thả ốc giống vào ruộng (450 - 600 kg/1.000m²) hoặc thả tôm ôm trứng để sinh sản thành tôm con làm thức ăn cho cua cỡ lớn hơn. Ngoài ra có thể dùng các loại thức ăn đã chế biến dạng hạt vừa có dinh dưỡng cao. Nếu có điều kiện thì tận dụng cá tạp và phế thải động vật để giảm giá thành.

b. Cho ăn

Căn cứ vào mùa vụ, nhiệt độ nước và giai đoạn sinh trưởng của cua để cho ăn hợp lý.

- Từ tháng 3 đến tháng 5, cua chủ yếu ăn thức ăn tinh. Thức ăn nên nấu thành nắm nhỏ. Lượng thức ăn từ 20 - 30% trọng lượng cua.

- Từ tháng 6 đến tháng 9, cua ăn khoẻ, mau lớn nên cần cho ăn thêm rong cỏ, khoai sắn, bổ sung thức ăn viên hoặc thức ăn tự chế từ cá tạp.

- Từ tháng 10 trở đi, cần tăng thêm thức ăn từ động vật. Lượng thức ăn từ 7 - 10% trọng lượng cua.

- Mỗi ngày cho cua ăn 2 lần lúc sáng sớm và chiều tối. Buổi sáng cho ăn từ 20 - 40%, buổi chiều cho ăn 60 - 80% tổng lượng thức ăn hàng ngày.

- Cần đặt sàng ăn tại một số điểm trong ao, mương để kiểm tra lượng thức ăn của cua. Căn cứ vào thời tiết, nhiệt độ, tình trạng bắt mồi của cua để điều tiết lượng thức ăn hàng ngày cho phù hợp.

5. Quản lý cua

- Thay nước cho ao, ruộng nuôi khoảng 1 tuần/lần để kích thích cua lột xác và bắt mồi, mỗi lần thay nước từ 1/4 - 1/3 lượng nước trong ao, mương.

- Định kỳ bón vôi cho ao, ruộng nuôi 15 ngày/lần với liều lượng 2 - 3 kg/100 m² hòa vào nước, sau đó tạt đều khắp ao.

- Thường xuyên kiểm tra để tránh cua thất thoát ra ngoài.

6. Thu hoạch cua

- Thời điểm thu hoạch chủ yếu là vào tháng 10.

- Khi cua đạt kích thước thương phẩm được giá cao thì tiến hành thu hoạch.

- Thu tía bằng cách đặt lờ, lợp... tát cạn, bắt bằng tay nếu thu toàn bộ.

- Cua nhỏ không đủ cỡ thương phẩm được để lại nuôi tiếp cho vụ sau

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG QUỐC GIA

Kỹ thuật nuôi ong mật



Để nuôi ong mật cho hiệu quả cao, người chăn nuôi cần chú trọng đến kỹ thuật nuôi từ khâu chọn giống, chọn địa điểm, tạo chúa.... cho đến thu hoạch mật. Dưới đây, Ban biên tập Bản tin Khuyến nông Việt Nam xin giới thiệu đến quý bạn đọc kỹ thuật nuôi ong mật (giống ong nội).

1. Lựa chọn đàn ong giống

- Đàn ong giống phải có nguồn gốc rõ ràng; ong chúa dưới 6 tháng tuổi; không nhiễm bệnh ấu trùng; quần đùi kín 2 mặt cầu; bánh tổ mới, màu vàng và có đủ trứng, ấu trùng, nhộng, mật phần dự trữ.

- Thùng và cầu ong đúng tiêu chuẩn về kích thước.

2. Kỹ thuật nuôi ong cơ bản

a. Chọn địa điểm nuôi ong

- Gần nguồn mật, phấn hoa, khoảng cách kiếm ăn hiệu quả từ tổ ong đến nguồn thức ăn khoảng 500 - 700 m.

- Chỗ đặt thùng ong cần bằng phẳng, khô ráo, mát về mùa hè, ấm về mùa đông, không ngập lụt về mùa mưa. Trong điều kiện có đầy đủ nguồn mật, phấn nên bố trí

đặt đàn ong với mật độ 40 đàn/ha, khoảng cách giữa các đàn tối thiểu 2 km đối với những đàn có quy mô tối đa 100 thùng.

b. Dụng cụ nuôi

- Thùng ong: Làm bằng gỗ khô hoặc nguyên liệu phù hợp, kích thước bên trong là 46,5 cm (dài) x 38 cm (rộng) x 24,5 cm (cao), có cửa sổ để thuận tiện khi di chuyển đàn ong.

- Các dụng cụ khác, bao gồm: Mũ lưới, bộ tạo chúa, bộ gắn tầng chân, lưới lọc mật, dao cắt mật, thùng quay mật...

c. Tạo chúa

* Mục đích: Tạo ra các ong chúa mới để nhân thêm đàn ong, thay ong chúa già, ong chúa của đàn bị bệnh.

* Phương pháp:

- Sử dụng mũ chúa chia đàn tự nhiên: Vào mùa ong chia đàn tự nhiên, chọn các mũ chúa to, dài, thẳng từ những đàn ong chia đàn đông quân nhiều cầu, khỏe mạnh. Dùng dao sắc cắt trên gốc mũ chúa 1,5 cm theo hình chữ V để gắn vào đàn ong cần thay chúa.

☞ - Tạo chúa cấp tạo: Chọn đàn theo tiêu chuẩn tụ đàn lớn, năng suất mật cao, không nhiễm bệnh ấu trùng, hiền lành để tạo chúa.

+ Tiến hành: Bắt chúa khỏi đàn, loại bỏ 1 - 2 cầu, sau 2 - 3 ngày kiểm tra loại bỏ tất cả các mũ chúa trên bề mặt bánh tổ và mũ chúa đã vít nắp, cho đàn ong ăn 3 - 4 tối liên tục, 9 - 10 ngày sau cắt những mũ chúa đã chín để sử dụng.

- Tạo chúa di trùng: Khi số đàn ong trong trại từ 10 đàn trở lên, tạo chúa theo phương pháp di trùng là cần thiết nhằm chủ động về thời gian, số lượng và chất lượng ong chúa.

+ Chuẩn bị dụng cụ tạo chúa: Quần chúa đường kính 7 - 7,5 cm, khung cầu tạo chúa, kim di trùng, sáp vít nắp...

+ Chọn đàn mẹ: Theo tiêu chuẩn đàn làm giống.

+ Chọn đàn nuôi dưỡng: Đông quần, không bị bệnh, dự trữ mật phần nhiều, có biểu hiện chia đàn tự nhiên. Tách chúa khỏi đàn nuôi dưỡng và rũ bớt cầu để tăng cường ong thợ nuôi dưỡng ấu trùng ong chúa, cho ong ăn thêm.

d. Chia đàn

- Chia đàn song song: Là chia 1 đàn ong ban đầu thành 2 đàn ong mới đặt song song với nhau cách đều vị trí ban đầu.

+ Tiến hành: những ngày thời tiết nắng ấm, vào buổi chiều, đem thùng không có ván ngăn đã vệ sinh sạch sẽ đặt cạnh đàn định chia, chia đều số cầu, số quần, số con (trứng, ấu trùng, nhộng) thức ăn về 2 đàn ong. Đặt 2 thùng ong song song với nhau về 2 bên và cách vị trí đàn cũ khoảng 20 - 30 cm, cần biết rõ ong chúa ở đàn nào để giới thiệu chúa vào đàn không chúa. Quan sát ong đi làm về, nếu đàn nào về nhiều cần dịch ra xa và đặt đàn kia gần lại. Trường hợp ong vẫn về 1 đàn sau khi điều chỉnh,

cần đổi vị trí 2 đàn cho nhau. Chú ý nếu chia đàn sử dụng mũ chúa, khi chúa tơ đã tập bay thì không được điều chỉnh vị trí đàn chia nữa.

- Chia đàn rời chỗ: Là phương pháp chia một nửa đàn ong giống như chia song song hoặc tách một phần đàn rời chuyển đến chỗ mới cách vị trí đàn cũ khoảng 1 km trở lên.

+ Tiến hành: Mang thùng không đặt cạnh đàn định chia. Tách 1 nửa hoặc một phần đàn với các cầu có mật vít nắp, phần và con, quần phủ kín cầu cho vào thùng đến nơi có địa hình quang đãng, nên để đàn giới thiệu mũ chúa lại. Trường hợp giới thiệu mũ chúa vào đàn chuyển đi nên giới thiệu mũ chúa sau khi đàn ong đã được chuyển đến nơi mới.

e. Quản lý ong bốc bay và cho ăn bổ sung

- Ong bốc bay: Do bị thiếu thức ăn, bị các bệnh thối ấu trùng, bị các kẻ thù phá hoại như sâu ăn sáp, kiến, ong rùng hoặc sai sót trong kỹ thuật quản lý như đặt nơi không phù hợp, đàn ong bị chấn động...

+ Để phòng: Cần duy trì đàn ong có đủ mật, phần dự trữ; phòng trừ địch hại kịp thời, vệ sinh cầu tiêu chuẩn cho đàn ong sắp bốc bay, thường xuyên kiểm tra đàn ong.

+ Khi đàn ong đã bốc bay, nhanh chóng bắt lại, đến tối rũ ong vào thùng đã chuẩn bị sẵn từ 1 đến 2 cầu ong có mật vít nắp, phần, trứng, ấu trùng, nhộng.

- Cho ong ăn bổ sung: Hàng năm vào tháng 7 - 8, tháng 1 - 2 ở phía Bắc và tháng 7 - 9 ở các tỉnh phía Nam, khi ngoài tự nhiên thiếu thức ăn hoặc do thời tiết xấu kéo dài khiến ong không đi làm được thì phải cho ong ăn bổ sung.

+ Cách cho ăn: Pha nước đường đặc, tỷ lệ 1,5 đường : 1 nước, cho ăn ít lần nhưng lượng nhiều trong 3 - 4 tối liên tục đến khi các lỗ mật

vít nắp. Thông thường, 1 đàn ong 3 cầu cho ăn khoảng 1 - 1,5 kg đường kính trắng.

- Cho ong ăn kích thích: Khi thức ăn ở ngoài tự nhiên chỉ đủ duy trì, cho ong ăn kích thích để thúc ong chúa đẻ nhiều hơn, ong thợ tích cực kiếm ăn, xây cầu nhanh hơn...

+ Cách cho ăn: Pha nước đường loãng, tỷ lệ 1 đường : 1 nước, cho ăn nhiều lần nhưng lượng ăn ít. Mỗi đàn ong 3 - 5 cầu, cho ăn khoảng 0,2 - 0,3 kg đường/tối, trong 2 - 3 tối, sau đó nghỉ 2 - 3 tối rồi lại cho ăn 2 - 3 tối nữa.

f. Thu hoạch mật ong

- Chuẩn bị dụng cụ: Rửa sạch, phơi khô máy quay mật, dao cắt vít nắp, lưới lọc mật, đồ chứa mật.

- Quay mật khi thấy ong đi làm nhiều, các bánh tổ có lỗ mật vít nắp trắng, coi cao (trên 70% lỗ tổ mật vít nắp), trên cây có khoảng 20 - 25% hoa nở. Nơi quay mật phải sạch sẽ. Nên quay vào buổi sáng để mật đặc hơn, không lẫn mật mới lấy về.

- Các bước thu hoạch mật:

+ Rũ ong khỏi cầu.

+ Dùng dao sắc hớt nhẹ vít nắp lỗ tổ mật, đưa dao từ dưới lên trên tránh làm vỡ các lỗ tổ.

+ Đặt các cầu đã cắt vít nắp vào khung máy quay; quay đều tay với tốc độ tăng dần, khi hết mật thì giảm dần tốc độ để bánh tổ không bị vỡ và ấu trùng không bị văng ra.

+ Trả bánh tổ đã quay vào đàn để ong ủ ấu ấu trùng.

+ Lọc mật bằng vải màn hoặc lưới inox có mật lưới từ 8 đến 32 lỗ/cm².

+ Bảo quản mật trong can, chai, có nút đậy kín ở nơi thoáng, mát; không để gần các chất có mùi như dầu hoả, mắm tôm... □

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG QUỐC GIA



TƯ VẤN KHUYẾN NÔNG

Hỏi: Mấy năm nay tôi trồng ngô đều bị bệnh xoắn lá, cây ngô thấp lùn không phát triển được. Mặc dù thay đổi chân ruộng khác để trồng nhưng ngô vẫn bị bệnh như thế. Xin hỏi chuyên gia, cây ngô bị bệnh gì và cách phòng trừ.

Trương Văn Hùng
(diepxuan12@gmail.com)

Đáp:

Theo mô tả của khán giả thì ruộng ngô bị bệnh lùn sọc đen hại ngô, xin cung cấp thông tin đến bạn đọc như sau:

Tác nhân gây bệnh: Do vi - rút gây bệnh lùn sọc đen Phương Nam gây ra, vi - rút này thuộc nhóm *Fijivirus-2*, họ *Reoviridae*. Rầy lưng trắng (*Sogatella furcifera*) là môi giới truyền bệnh này.

Biện pháp phòng trừ bệnh:

* **Vệ sinh đồng ruộng:** Tiêu hủy tàn dư thực vật từ cây ngô để tiêu diệt triệt để mầm bệnh. Trên những diện tích ngô trồng tại đất 2 vụ lúa và một số chân đất ngô hè thu vụ trước đã xuất hiện bệnh: Sau khi thu hoạch lúa cần vùi gốc rạ ngay để diệt lúa chét, lúa tái sinh; dọn sạch cỏ bờ ruộng, mương dẫn nước.

* **Phòng ngừa rầy lưng trắng môi giới truyền bệnh:** Tăng cường công tác điều tra đồng ruộng, kết hợp với theo dõi bẫy đèn để xác định quy luật và dự báo rầy di trú, lấy mẫu xét nghiệm nguồn rầy mang vi - rút để có biện pháp phòng trừ môi giới truyền bệnh nhanh, hiệu quả;

- Thực hiện che phủ bằng lưới mắt nhỏ để che chắn rầy khi làm ngô bầu; làm cách xa những ruộng đang có nguồn bệnh hoặc trên đất vụ trước đã bị bệnh;

- Phát hiện, phòng trừ kịp thời môi giới truyền bệnh, đặc biệt trên những diện tích ngô trồng trong khu vực đã xuất hiện bệnh vụ trước (kể cả lúa hoặc ngô).

- Xử lý hạt giống trước khi gieo bằng các thuốc xử lý hạt Cruiser plus 312,5FS hoặc những thuốc trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) được phép sử dụng tại Việt Nam do Bộ Nông nghiệp và PTNT qui định hàng năm.

* **Các biện pháp canh tác:**

- Hạn chế gieo trồng những giống ngô đã xác định bị bệnh hại nặng, sử dụng các giống kháng (chống chịu) rầy hoặc ít nhiễm rầy;

- Đảm bảo mật độ, khoảng cách trồng hợp lý theo quy định của từng loại giống; bón phân cân đối để giúp cây trồng sinh trưởng phát triển khỏe, tăng sức chống chịu, tăng cường bón phân hữu cơ đã hoai mục, phân hữu cơ vi sinh.

- Ở những diện tích ngô thường xuyên nhiễm bệnh nặng, cần luân canh, thay thế bằng cây đậu tương hoặc cây trồng khác.

* **Các biện pháp trừ bệnh**

- Thường xuyên kiểm tra trên các diện tích ngô để kịp thời phát hiện và tiêu hủy kịp thời những cây ngô bị bệnh, nếu cây ngô dưới 5 lá có thể dặm lại bằng những cây ngô khỏe dự phòng trên ruộng

- Khi phát hiện rầy lưng trắng, căn cứ vào tuổi, pha phát dục của rầy và điều kiện cụ thể của địa phương mà chỉ đạo phun thuốc chống lột xác, thuốc nội hấp hay tiếp xúc trên diện tích ngô bị bệnh và diện tích xung quanh bằng các loại thuốc do cơ quan BVTV khuyến cáo.

Những diện tích ngô bị bệnh nặng, cần tiêu hủy cả ruộng bằng cách chặt bỏ, thu gom tàn dư cây bệnh; trước khi tiêu hủy phun thuốc trừ rầy bằng các loại thuốc tiếp xúc, nếu có rầy lưng trắng. Gieo trồng cây trồng khác thay thế nếu thời vụ cho phép.

Hỏi: Gà nhà tôi 45 - 55 ngày tuổi thì bị chết. Ban đầu, gà có biểu hiện bỏ ăn, mông gà tái. Mổ ra thịt vàng có chấm đỏ máu, khoang bụng có dịch vàng nhiều, bị xuất huyết vùng trên cơ bụng. Xin chuyên gia hướng dẫn giải pháp để trị bệnh.

Phan Thị Lợi
(tranquoctoan804480gmail.com)

Đáp:

Với biểu hiện như vậy, nếu máu loãng khó hoặc không đông thì có thể gà mắc bệnh ký sinh trùng đường máu. Đây là bệnh do đơn bào ký sinh, bệnh truyền qua muỗi, dỉn. Điều trị: Nên phối hợp *sulfamonomethoxine* với *Doxycyclin*. Liều lượng theo khuyến cáo của nhà sản xuất; Kết hợp bổ sung vitamin, men tiêu hóa, thuốc trợ sức, trợ lực cho gà.

Khi điều trị bệnh, việc tăng cường chăm sóc nuôi dưỡng, cải thiện môi trường chăn nuôi, vệ sinh sạch sẽ, đặc biệt phát quang cây cối, phá những nơi cư trú và sinh sản của muỗi là điều quan trọng, giúp gà tránh tái nhiễm bệnh.

Phòng bệnh: Thực hiện vệ sinh môi trường sạch sẽ, thông thoáng. Phòng các bệnh khác bằng vắc - xin theo lịch trình.



THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

TRỨNG GIA CẨM TĂNG TRỞ LẠI SAU THỜI GIAN DÀI GIẢM GIÁ

Theo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội, sau một thời gian dài giảm giá và bán lỗ vốn, nhưng từ giữa tháng 5 đến nay trứng gia cầm đã bắt đầu tăng giá trở lại.

Cùng với đó, giá sản phẩm thịt gia cầm đang có chiều hướng tăng, dự kiến tăng cao trong thời gian từ tháng 5 đến tháng 7/2021 do nguồn cung thiếu hụt, bắt nguồn từ số lượng giống gia cầm đưa vào chăn nuôi thương phẩm trong quý I - 2021 giảm 50% so với quý IV - 2020. Sở dĩ có tình trạng này là bởi giá nguyên liệu thức ăn chăn nuôi tăng cao, gia tăng chi phí đầu vào nên các hộ chăn nuôi hạn chế tái đàn.

Khảo sát một số chợ dân sinh trên địa bàn Hà Nội cho thấy, giá trứng gia cầm đã tăng trung bình 300 - 400 đồng/quả. Cụ thể, giá trứng vịt dao động từ 2.500 - 2.800 đồng/quả, trứng vịt lộn 3.300 đồng/quả, trứng gà ta từ 3.000 - 3.500 đồng/quả, trứng gà đỏ từ 2.300 - 2.500 đồng/quả... Tại các siêu thị trên địa bàn thành phố, giá trứng cũng tăng tương tự. Tại hệ thống siêu thị Vinmart trứng gia cầm trứng tươi nhãn hiệu Dabaco 26.500 đồng/10 quả, trứng gà so trang trại Ba Vi 46.300 đồng/10 quả, trứng gà công nghiệp 26.100 đồng/10 quả, trứng gà DHA Dabaco 49.900 đồng/10 quả, trứng gà Ba Huân 18.500 đồng/6 quả...

Theo Vinanet

BẮC GIANG THU HƠN 6.800 TỶ ĐỒNG TỪ VỤ VẢI THIÊU NĂM 2021

Theo UBND tỉnh Bắc Giang, trong bối cảnh dịch COVID-19 rất phức tạp nhưng vụ vải thiêu năm 2021 của tỉnh đã "thành công trong gian khó".

Tổng sản lượng tiêu thụ vải thiêu toàn tỉnh đạt trên 215.000 tấn, tăng trên 50.000 tấn so với vụ năm 2020. Tổng doanh thu từ vải thiêu và các dịch vụ phụ trợ của tỉnh Bắc Giang đạt trên 6.800 tỷ đồng. Vải thiêu Bắc Giang có giá bán bình quân cả vụ ước đạt 19.800 đồng/kg. Vải thiêu Bắc Giang được xuất khẩu chủ yếu sang thị trường truyền thống Trung Quốc và các quốc gia, khu vực: EU, Mỹ, Australia, Nhật Bản, Hàn Quốc, các nước Đông Nam Á, khu vực Trung Đông... và được người tiêu dùng tại các thị trường khó tính trên thế giới như: Nhật Bản, Mỹ, Hà Lan, Bỉ, Pháp, Đức và một số nước EU... đánh giá cao về chất lượng.

Tỉnh Bắc Giang có kế hoạch duy trì ổn định tổng diện tích trồng vải thiêu toàn tỉnh vụ năm 2022 khoảng 28.100 ha; mở rộng diện tích sản xuất vải thiêu theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP; mở rộng diện tích mã số vùng trồng cho các thị trường Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc... Ở những diện tích sản xuất vải thiêu đã được cấp mã vùng, sẽ tiếp tục nghiên cứu nhân rộng mô hình sản xuất vải hữu cơ.

Theo TTXVN

THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

TRUNG QUỐC MUA THỊT LỢN DỰ TRỮ NHÀ NƯỚC ĐỂ HỖ TRỢ GIÁ

Cơ quan lập kế hoạch nhà nước của Trung Quốc cuối tháng 6 vừa qua cho biết, chính quyền trung ương và địa phương sẽ bắt đầu mua thịt lợn dự trữ nhà nước để hỗ trợ giá, ngay cả sau khi giá phục hồi mạnh từ mức thấp nhất trong hai năm vào tuần trước.

Động thái này diễn ra sau khi giá lợn hơi tại Trung Quốc trong 6 tháng đầu năm giảm 65% do dịch bệnh bùng phát gây ra tình trạng hoảng loạn bán ra và do lượng lợn lớn được đưa đi giết mổ. Giá giảm làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của nông dân và làm dấy lên lo ngại rằng nhiều người sẽ ngừng sản xuất, gây ra tình trạng thiếu hụt sau này. Ngành công nghiệp thịt lợn của Trung Quốc nhanh chóng tăng cường năng lực sản xuất sau khi dịch tả lợn châu Phi tàn phá đàn lợn của nước này năm 2018 và 2019. Số lượng lợn của Trung Quốc tính đến tháng 5 tăng 23,5% so với cùng kỳ, trở lại gần mức bình thường. Theo báo cáo của Viện Khoa học Xã hội Trung Quốc tổng sản lượng thịt dự kiến đạt 50 triệu tấn trong năm nay, tăng 20% so với 2020.

Trung Quốc đã nhập khẩu gần 2 triệu tấn thịt lợn trong 5 tháng đầu năm 2021, tăng 13,7% so với cùng kỳ năm ngoái, sau khi đạt mức kỷ lục 4,4 triệu tấn vào năm ngoái.

Theo Vinanet

XUẤT KHẨU GẠO CỦA THÁI LAN GIẢM 21% TRONG 6 THÁNG ĐẦU NĂM

Theo phóng viên TTXVN tại Bangkok, trong nửa đầu năm nay, Thái Lan chỉ xuất khẩu được 2,2 triệu tấn gạo với giá trị 1,382 tỷ USD, giảm 21,03% về lượng và 28,14% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.

Chủ tịch Hiệp hội các nhà xuất khẩu gạo Thái Lan (TREA) Charoen Laothammathat cho biết, để xuất khẩu 6 triệu tấn gạo trong năm nay, Thái Lan phải xuất khẩu trung bình 500.000 tấn mỗi tháng, trong khi xuất khẩu gạo của Thái Lan hiện đang thấp hơn mục tiêu. Bộ Thương mại Thái Lan đã phối hợp với TREA để thúc đẩy ba mặt hàng xuất khẩu gạo chính của nước này gồm: tăng trưởng 4,8% gạo jasmine đối với các thị trường cao cấp và 5,2% về doanh số bán gạo thơm; tăng trưởng 4,7% xuất khẩu gạo trắng nói chung và 4,9% đối với gạo đỏ; tăng 3,6 xuất khẩu gạo nếp và 12,5% đối với gạo lứt và gạo xát 12,5% sang các thị trường chuyên biệt. Đồng thời, Bộ Thương mại sẽ thúc đẩy thị trường giao dịch gạo giữa chính phủ với chính phủ (G2G).

Ông Charoen cho biết xuất khẩu gạo của Thái Lan đã gặp khó khăn bởi những vấn đề tương tự trong 10 năm qua. Giá gạo Thái Lan cao hơn hầu hết các đối thủ cạnh tranh như Việt Nam, Ấn Độ, Pakistan và Trung Quốc.

Theo Vinanet

BẢN TIN

KHUYẾN NÔNG VIỆT NAM



CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN

PGS.TS. Lê Quốc Thanh

BAN BIÊN TẬP

TS. Hạ Thúy Hạnh

ThS. Hoàng Văn Hồng

TS. Nguyễn Việt Khoa

TS. Nguyễn Thị Hải

ThS. Lương Tiến Khiêm

ThS. Nguyễn Bá Tiến

ThS. Đỗ Phan Tuấn

ThS. Trần Văn Dũng

TS. Đặng Bá Đàn

THƯ KÝ BIÊN TẬP

ThS. Đỗ Thị Việt Oanh

TRỤ SỞ TÒA SOẠN

16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

ĐT: 024. 37711265 - 024. 37282485

Email: tthlknqg@gmail.com

Website: khuyennongvn.gov.vn

Giấy phép xuất bản số 53/GP-XBBT

ngày 26 tháng 8 năm 2019

Cục báo chí thông tin và truyền thông.

Số lượng: 5000 bản/số.

Bìa 1: Bìa 1: Mùa vàng

Ảnh: PV

Trong số này

THÔNG TIN CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

- 1 Giải bài toán đầu ra cho nông sản ở nước ta
- 3 Chủ động ứng phó với mùa mưa bão trong nuôi trồng thủy sản năm 2021
- 4 Phê duyệt đề án nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới giai đoạn 2021- 2025

HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG

- 5 Sơ kết sản xuất trồng trọt vụ hè thu và triển khai kế hoạch sản xuất vụ thu đông, vụ mùa năm 2021
- 6 “Diễn đàn Nông nghiệp 4.0: Kết nối cung cầu - Nâng tầm nông sản”
- 7 Chương trình khuyến nông đáp ứng yêu cầu sản xuất hàng hóa theo cơ chế thị trường
- 8 Chuyển đổi số trên cây bưởi Phúc Trạch
- 9 Mô hình trồng bí bao tử gắn với bao tiêu sản phẩm
- 10 Mô hình sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu

XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

- 11 Triển khai hiệu quả chương trình OCOP tại tỉnh Bình Định

MÔ HÌNH, ĐIỂN HÌNH TIÊN TIẾN

- 12 Cô gái trẻ đam mê sản xuất nấm đông trùng hạ thảo
- 13 Nâng tầm thương hiệu gà đồi Hòa Bình
- 14 Làm giàu với nghề chế biến thủy sản
- 15 Tiềm năng phát triển cây ăn quả ở Chư Sê - Gia Lai
- 16 Làm giàu từ cây lê tai nung
- 17 Hiệu quả mô hình nuôi ong lấy mật theo VietGAP
- 18 Giải pháp sinh thái để bảo vệ cây trồng

KHOA HỌC KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ

- 19 Quy trình quản lý tổng hợp sâu nắn hại lúa vùng Đồng bằng sông Cửu Long
- 21 Quy trình kỹ thuật quản lý tổng hợp bệnh Greening, bệnh vàng lá thối rễ và bệnh Tristeza hại cây có múi
- 23 Giải pháp kỹ thuật chăn nuôi gia súc, gia cầm trong mùa nắng nóng
- 24 Kỹ thuật nuôi cua đồng trong ao
- 25 Kỹ thuật nuôi ong mật
- 27 Tư vấn

TIN THỊ TRƯỜNG

MỘT SỐ HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG



Các đại biểu tham quan gian hàng trưng bày sản phẩm nông sản trong khuôn khổ Hội nghị "Kết nối cung cầu tiêu thụ nhân và nông sản tỉnh Hưng Yên năm 2021", tại tỉnh Hưng Yên
Ảnh: TTXVN

Toàn cảnh Tọa đàm chủ đề "Chăn nuôi gia cầm hội nhập với thị trường mới", do Báo NNVN tổ chức tại Hà Nội
Ảnh: PV



Toàn cảnh lớp tập huấn "Phương pháp và kỹ năng đào tạo trực tuyến khuyến nông", điểm cầu TTKNQG tại Hà Nội với sự tham gia của 300 điểm cầu hệ thống khuyến nông toàn quốc và các đơn vị liên quan
Ảnh: PV – Báo NNVN